

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lương Thùy Phương
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lê Thị Nam Phương

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH AN PHÚ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Lương Thùy Phương
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lê Thị Nam Phương**

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Lương Thùy Phương

Mã SV: 120061

Lớp: QT 1206K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH An Phú.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập.
 - Khảo sát và đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập.
 - Đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Số liệu năm 2011

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÚ

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 : NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1 Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	2
1.1.1 Những vấn đề chung về kế toán doanh thu	2
1.1.1.1 Các khái niệm cơ bản về doanh thu	2
1.1.1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu	3
<i>1.1.1.2.1 Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng</i>	<i>3</i>
<i>1.1.1.2.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ.</i>	<i>3</i>
<i>1.1.1.2.3 Điều kiện ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia.....</i>	<i>3</i>
1.1.1.3 Nguyên tắc kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4
1.1.2 Những vấn đề chung về kế toán chi phí	4
1.1.2.1 Các khái niệm cơ bản về chi phí	4
1.1.3 Những vấn đề chung về kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	6
1.1.4 Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ...	7
1.1.5 Các phương thức tiêu thụ và thanh toán	8
1.1.5.1 Kế toán quá trình tiêu thụ đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, kế toán VAT khấu trừ.....	8
1.1.5.2 Kế toán quá trình tiêu thụ đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính VAT theo phương pháp trực tiếp hoặc tiêu thụ các đối tượng không chịu VAT.	9
1.1.5.3 Các phương thức thanh toán	9
1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	9
1.2.1 Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	9
1.2.2 Tổ chức công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.	12

1.2.3. Tổ chức công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính	14
1.2.4. Tổ chức công tác kế toán thu nhập khác	16
1.2.5. Tổ chức công tác kế toán giá vốn hàng bán.....	17
1.2.6. Tổ chức công tác kế toán chi phí bán hàng.....	21
1.2.7. Tổ chức công tác kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	23
1.2.8 Tổ chức công tác kế toán chi phí tài chính	24
1.2.9 Tổ chức công tác kế toán chi phí khác	25
1.2.10. Tổ chức công tác kế toán chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp.....	27
1.2.11. Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh	28
1.3 Tổ chức vận dụng các hình thức và sổ sách kế toán	30
1.3.1 Các hình thức kế toán.....	30
1.3.2 Hình thức Nhật ký - sổ cái.....	30
1.3.3- Hình thức Nhật ký chung.....	31
1.3.4- Hình thức Nhật ký chứng từ.....	32
1.3.5- Hình thức Chứng từ ghi sổ.....	33
1.3.6- Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	34
CHƯƠNG 2 : THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÚ	35
2.1 Khái quát chung về công ty trách nhiệm hữu hạn An Phú.....	35
2.1.1 Một số nét khái quát về công ty TNHH An Phú.	35
2.1.2 Quá trình hình thành phát triển công ty TNHH An Phú.....	35
2.1.3 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH An Phú ..	37
2.1.4 Thuận lợi và khó khăn của công ty TNHH An Phú.....	38
2.1.4.1 Thuận lợi	38
2.1.4.2 Khó khăn	38
2.1.5 Quy trình công nghệ và quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh.....	38
2.1.5.1 Đặc điểm của sản phẩm sản xuất.....	38

2.1.5.2 Quy trình công nghệ và quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh.....	39
2.1.6 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ của các phòng ban	41
2.1.6.1 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh	41
2.1.6.2 Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban	41
2.1.7 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH An Phú và chức năng, nhiệm vụ của các thành viên trong bộ máy kế toán	43
2.1.7.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH An phú	43
2.1.7.2 Chức năng, nhiệm vụ của các thành viên trong bộ máy kế toán.....	43
2.1.8 Hình thức kế toán, chế độ và các phương pháp kế toán công ty TNHH An Phú áp dụng.....	44
2.1.8.1 Hình thức kế toán áp dụng.....	44
2.1.8.2 Chế độ kế toán và các phương pháp kế toán áp dụng.....	45
2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH An Phú	46
2.2.1 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu.....	46
2.2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán giá vốn hàng bán.....	47
2.2.3 Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	63
2.2.4. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính	72
2.2.5 Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí tài chính	76
2.2.6 Thực trạng tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	80
CHƯƠNG 3 : MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH AN PHÚ	89
3.1 Nguyên tắc và yêu cầu hoàn thiện	89
3.2 Đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán nói chung tại công ty TNHH An Phú.	89
3.2.1. Ưu điểm.....	89
3.2.2. Nhược Điểm	90

3.2.3. Một số biện pháp có thể áp dụng để hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nói chung tại công ty.....	90
3.3 Đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	93
3.3.1.Ưu điểm.....	93
3.3.2. Nhược Điểm.....	93
3.3.3 Một số biện pháp có thể áp dụng để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.	94
KẾT LUẬN.....	99
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	100

LỜI MỞ ĐẦU

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, cạnh tranh gay gắt như hiện nay thì đối với một doanh nghiệp muốn tạo uy tín và thương hiệu trên thị trường là vô cùng khó khăn. Bởi vậy vấn đề quan tâm hàng đầu của nhà quản lí là tính hiệu quả của các hoạt động kinh tế, chi phí bỏ ra, doanh số thu được và kết quả kinh doanh trong kì. Với chức năng cung cấp thông tin, kiểm tra các hoạt động kinh tế, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ đáp ứng yêu cầu đó và giúp cho nhà quản lí đưa được ra các quyết định kinh doanh sáng suốt, kịp thời.

Nhận thấy tầm quan trọng của công tác kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, em đã mạnh dạn chọn đề tài : **“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn An Phú”** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, kết cấu khoá luận gồm 3 chương nội dung như sau:

Chương 1 : Những vấn đề chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2 : Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn An Phú.

Chương 3: Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn An Phú.

Mặc dù đã cố gắng nghiên cứu, tìm hiểu nhưng do thời gian cũng như kiến thức còn hạn chế nên khóa luận tốt nghiệp của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đóng góp của các thầy cô để khóa luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn. Đồng thời em xin chân thành cảm ơn các anh chị trong văn phòng kế toán công ty trách nhiệm hữu hạn An Phú, đặc biệt là Thạc sĩ Lê Thị Nam Phương đã nhiệt tình giúp đỡ em hoàn thành khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn !

Sinh viên : Lương Thùy Phương

CHƯƠNG 1 : NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1 Những vấn đề chung về kế toán doanh thu

1.1.1.1 Các khái niệm cơ bản về doanh thu

- **Doanh thu** : Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà DN đã thu được hoặc sẽ thu được trong kì kế toán, phát sinh từ hoạt động SXKD thông thường, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ bên thứ 3 không là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không coi là doanh thu.

- **Doanh thu thuần** : Là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm trừ doanh thu.

- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** : Là tổng số tiền của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được từ các giao dịch phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

- **Doanh thu tiêu thụ nội bộ** : Là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

- **Các khoản giảm trừ doanh thu** : Là các khoản phát sinh làm giảm doanh thu bán hàng trong kì.

Theo chế độ kế toán hiện hành, các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm :

+ **Chiết khấu thương mại** : Là khoản doanh nghiệp giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do người mua hàng mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ giành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại.

+ **Hàng bán bị trả lại** : Là số hàng được coi là đã tiêu thụ nhưng bị người mua trả lại hoặc từ chối thanh toán do các nguyên nhân thuộc về người bán : vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng kém phẩm chất...

+ **Giảm giá hàng bán** : Là số tiền giảm trừ cho người mua trên giá bán đã thỏa thuận do các nguyên nhân thuộc về người bán : hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, xấu, hỏng, hàng giao không đúng hẹn trong hợp đồng kinh tế.

+ **Thuế xuất khẩu** (thuế quan) : Là thuế trong lĩnh vực thương mại quốc tế đánh vào hàng hóa xuất khẩu.

+ **Thuế tiêu thụ đặc biệt** : Là thuế gián thu, thuế được tính vào giá bán do người tiêu dùng gánh chịu khi mua hàng hóa, dịch vụ.

+ **Thuế giá trị gia tăng trực tiếp** của DN nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.

- **Doanh thu hoạt động tài chính** : là doanh thu từ tiền lãi, bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và hoạt động tài chính khác của DN.

- **Thu nhập khác** : Là các khoản thu ngoài hoạt động SXKD của DN như thu nhập từ nhượng bán thanh lí TSCĐ, bán cho thuê tài sản, thu tiền phạt vi phạm hợp đồng, thu hồi nợ khó đòi đã xóa sổ, nhận quà biếu tặng ...

1.1.1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu

1.1.1.2.1 Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn cả 5 điều kiện sau:

- DN đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- DN không còn nắm giữ quyền quản lí hàng hóa như người sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- DN đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

1.1.1.2.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn cả 4 điều kiện sau :

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch cung cấp dịch vụ.
- Xác định được công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hình thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.1.1.2.3 Điều kiện ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia.

Tiền lãi : Là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tiền, tương đương tiền (lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu).

Tiền bán quyền : Là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tài sản, bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, bản quyền tác giả.

Cổ tức và lợi nhuận được chia : Là số tiền lợi nhuận được chia từ việc nắm giữ cổ phiếu, góp vốn.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn cả 2 điều kiện sau :

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

1.1.1.3 Nguyên tắc kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu VAT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa VAT.

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu VAT hoặc chịu VAT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán có VAT.

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế XNK thì doanh thu là tổng giá thanh toán gồm cả thuế TTĐB và thuế XNK.

- Doanh nghiệp nhận gia công thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Với hàng hóa nhận bán đại lí, kí gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì doanh thu là phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì ghi doanh thu theo giá trả ngay.

- Trường hợp DN đã viết hóa đơn và thu tiền bán hàng nhưng đến cuối kì vẫn chưa giao hàng cho người mua thì hàng này coi như hàng chưa bán trong kì.

- Trường hợp cho thuê tài sản, nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ của năm tài chính sẽ bằng số tiền cho thuê đã thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

- Đối với DN thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được nhà nước trợ cấp trợ giá thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá.

1.1.2 Những vấn đề chung về kế toán chi phí

1.1.2.1 Các khái niệm cơ bản về chi phí

- **Giá vốn hàng bán** : Là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ. Chi phí khấu hao, sửa chữa, nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

- **Chi phí bán hàng** : Là chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành, bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí bán hàng bao gồm :

+ *Chi phí nhân viên* : Phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hóa... Bao gồm tiền lương, tiền ăn ca, tiền công, các khoản trích bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn.

+ *Chi phí vật liệu, bao bì* : Phản ánh các chi phí, vật liệu bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ như : chi phí đóng gói sản phẩm, hàng hóa, chi phí vật liệu, nhiên liệu...

+ *Chi phí dụng cụ, đồ dùng* : Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa.

+ *Chi phí khấu hao TSCĐ* : Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ ở bộ phận bán hàng như nhà kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện bốc dỡ vận chuyển, phương tiện tính toán, đo lường, kiểm nghiệm chất lượng...

+ *Chi phí bảo hành* : Dùng để phản ánh khoản chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa.

+ *Chi phí dịch vụ mua ngoài* : Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài dùng cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa TSCĐ, thuê kho bãi, bốc vác, vận chuyển sản phẩm hàng hóa, hoa hồng đại lý, đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu...

+ *Chi phí bằng tiền khác* : Phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng, giới thiệu sản phẩm, hàng hóa, quảng cáo, chi phí hội nghị...

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp** : Là chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài điện nước, chi phí bằng tiền khác...

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm :

+ *Chi phí nhân viên quản lý* : Phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp như tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn của Ban giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng.

+ *Chi phí vật liệu quản lý* : Phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như : Văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ...

+ *Chi phí đồ dùng văn phòng* : Phản ánh chi phí dụng cụ văn phòng dùng cho công tác quản lý...

+ *Chi phí khấu hao TSCĐ* : Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho doanh nghiệp như nhà cửa làm việc của các phòng ban, máy móc thiết bị quản lý ...

+ *Thuế, phí và lệ phí* : Phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như thuế môn bài, tiền thuê đất và các khoản phí, lệ phí khác...

+ *Chi phí dự phòng* : Phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

+ *Chi phí dịch vụ mua ngoài* : Phản ánh các chi phí mua ngoài phục vụ cho việc quản lý, mua tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế, thuê TSCĐ, chi trả nhà thầu ...

+ *Chi phí bằng tiền khác* : Phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp như: chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, ...

- **Chi phí tài chính** : Là các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí vay vốn, góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ khi bán ngoại tệ, ...

- **Chi phí khác** : Là những khoản chi phí phát sinh khác biệt đối với hoạt động thông thường bao gồm chi phí nhượng bán, thanh lý và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có), chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết. Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, và các khoản chi phí khác.

1.1.3 Những vấn đề chung về kế toán xác định kết quả kinh doanh

❖ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm :

- **Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh** : Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng, chi phí QLDN.

- **Lợi nhuận từ hoạt động tài chính** : Là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

- **Lợi nhuận từ hoạt động khác** : Là số chênh lệch giữa khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

❖ Cách tính một số chỉ tiêu lợi nhuận như sau :

+ **Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh**

Doanh thu thuần	=	Dthu và c.cấp DV	-	Ch.khấu th.mại	-	Giảm giá hàng bán	-	Hàng bán bị trả lại	-	Thuế TTĐB, XNK	-	Thuế GTGT trực tiếp (nếu có)
-----------------	---	------------------	---	----------------	---	-------------------	---	---------------------	---	----------------	---	--------------------------------

Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	=	Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn hàng bán
------------------------------------	---	---	---	------------------

Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kdoanh	=	Lợi nhuận gộp từ hoạt động BH và cung cấp dịch vụ	+	Doanh thu tài chính	-	Chi phí tài chính	-	Chi phí bán hàng	-	Chi phí quản lí DN
--	---	---	---	---------------------	---	-------------------	---	------------------	---	--------------------

+ **Lợi nhuận từ hoạt động tài chính**

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	=	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính
----------------------------------	---	-------------------------------	---	-------------------

+ **Lợi nhuận từ hoạt động khác**

Lợi nhuận từ hoạt động khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác
-----------------------------	---	---------------	---	--------------

+ **Lợi nhuận kế toán trước thuế**

Lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	+	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	+	Lợi nhuận khác
------------------------------	---	--	---	----------------------------------	---	----------------

+ **Lợi nhuận sau thuế TNDN**

Lợi nhuận sau thuế TNDN	=	Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	Chi phí thuế TNDN
-------------------------	---	------------------------------	---	-------------------

1.1.4 Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Tính toán và ghi chép đầy đủ, chính xác, kịp thời khối lượng thành phẩm, dịch vụ tiêu thụ. Vận dụng nguyên tắc giá phí và các phương pháp tính giá phù hợp để xác định chính xác giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và các chi phí khác nhằm xác định đúng đắn kết quả bán hàng.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu nhận, xử lý, hệ thống hóa và cung cấp thông tin về tình hình doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kiểm tra, giám sát tình hình quản lý thành phẩm trong kho, tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

1.1.5 Các phương thức tiêu thụ và thanh toán

1.1.5.1 Kế toán quá trình tiêu thụ đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, kế toán VAT khấu trừ.

- *Hạch toán tiêu thụ theo phương thức trực tiếp:*

Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và kí vào hóa đơn bán hàng thì số hàng bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ.

- *Hạch toán tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận:*

Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu thì lúc này mới được ghi nhận doanh thu.

- *Hạch toán tiêu thụ theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng:*

Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên đại lý (bên đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

+ Nếu bên đại lý bán hàng đúng theo giá quy định của chủ hàng được hưởng hoa hồng thì phải chịu VAT đầu ra tính trên hóa đơn hoa hồng được hưởng.

+ Nếu đại lý bán hàng theo giá của đại lý thì được hưởng phần chênh lệch giá, chịu VAT đầu ra tính trên số chênh lệch đó. Chủ hàng chỉ chịu VAT đầu ra trong phạm vi doanh thu của mình.

- *Hạch toán tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp:*

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỉ lệ lãi suất nhất định.

- *Hạch toán tiêu thụ theo phương thức hàng đổi hàng không tương tự:*

Là phương thức tiêu thụ mà người bán đem sản phẩm, vật tư, hàng hóa của mình đi đổi lấy hàng hóa, vật tư của người mua.

+ Giá trao đổi : là giá bán trên thị trường (hoặc tương đương trên thị trường) của hàng đem đi (giá hợp lí).

+ Hàng hóa, dịch vụ đem đi trao đổi được hạch toán như hàng bán.

+ Hàng hóa, dịch vụ nhận trao đổi được hạch toán như hàng mua.

- Các trường hợp tiêu thụ khác : Hạch toán tiêu thụ nội bộ, gia công.

1.1.5.2 Kế toán quá trình tiêu thụ đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính VAT theo phương pháp trực tiếp hoặc tiêu thụ các đối tượng không chịu VAT.

Các phương thức tiêu thụ và hạch toán GVHB cũng tương tự như doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp khấu trừ, chỉ khác một số nội dung sau:

- Không sử dụng TK thuế giá trị gia tăng.

- Trong giá mua vật tư, hàng hóa đã có thuế GTGT đầu vào.

- Trong giá bán (doanh thu) đã có thuế GTGT đầu ra, thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu.

- Các khoản ghi nhận chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại đã bao gồm cả VAT đầu ra trả lại người mua.

- Số VAT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh được xác định vào cuối kì sẽ ghi nhận vào TK 511 theo bút toán :

Nợ TK 511

Có TK 3331

1.1.5.3 Các phương thức thanh toán

- Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt

- Thanh toán qua ngân hàng

- Chậm trả : Không tính lãi hoặc có tính lãi.

1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.2.1 Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- **Chứng từ sử dụng :**

+ Hóa đơn bán hàng thông thường đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp (mẫu số 02 GTGT – 3LL).

+ Hóa đơn GTGT đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ (mẫu số 01 GTGT – 3LL).

+ Các chứng từ thanh toán (phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, giấy báo có của ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...).

+ Chứng từ kế toán liên quan khác : Phiếu xuất kho hàng bán, phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại, hóa đơn vận chuyển bốc dỡ...

- Tài khoản sử dụng

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có 5 TK cấp 2:

TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa

TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

TK 512: Doanh thu bán hàng nội bộ

Có 3 TK cấp 2:

TK5121 : Doanh thu bán hàng hóa

TK 5122 : Doanh thu bán các thành phẩm

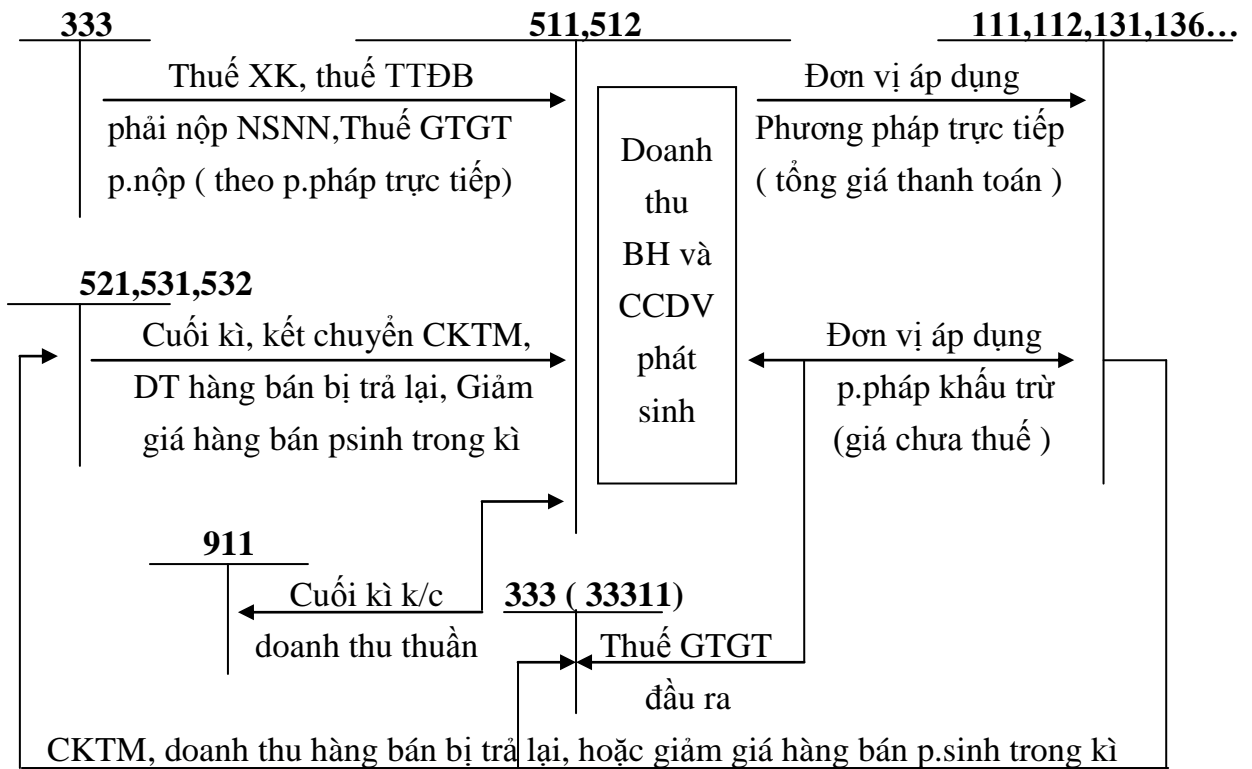
TK 5123 : Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Kết cấu tài khoản 511, 512 (không có số dư cuối kì)

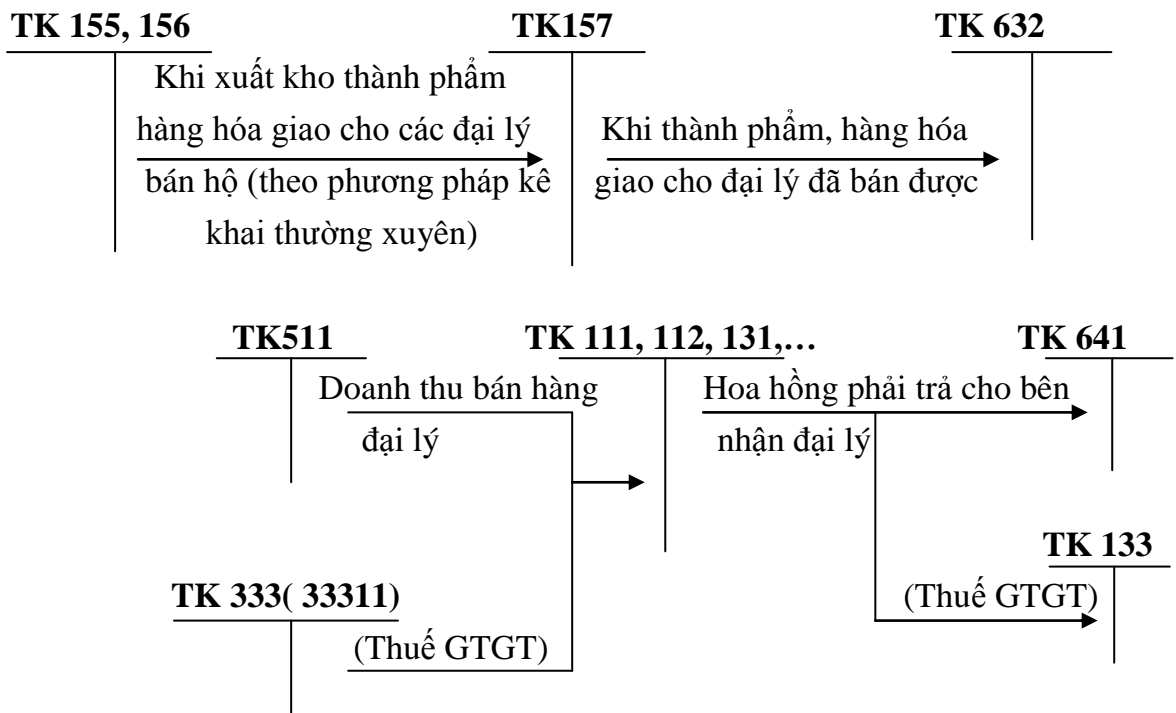
Nợ	TK 511, 512	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế (nội bộ) của sản phẩm, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kì kế toán. - Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp. - Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kì. - Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kì. - Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kì. - Kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911. 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ (doanh thu bán hàng nội bộ) của doanh nghiệp thực hiện trong kì kế toán. 	
ΣSPS Nợ		ΣSPS Có
X		

- Sơ đồ quá trình hạch toán 511, 512

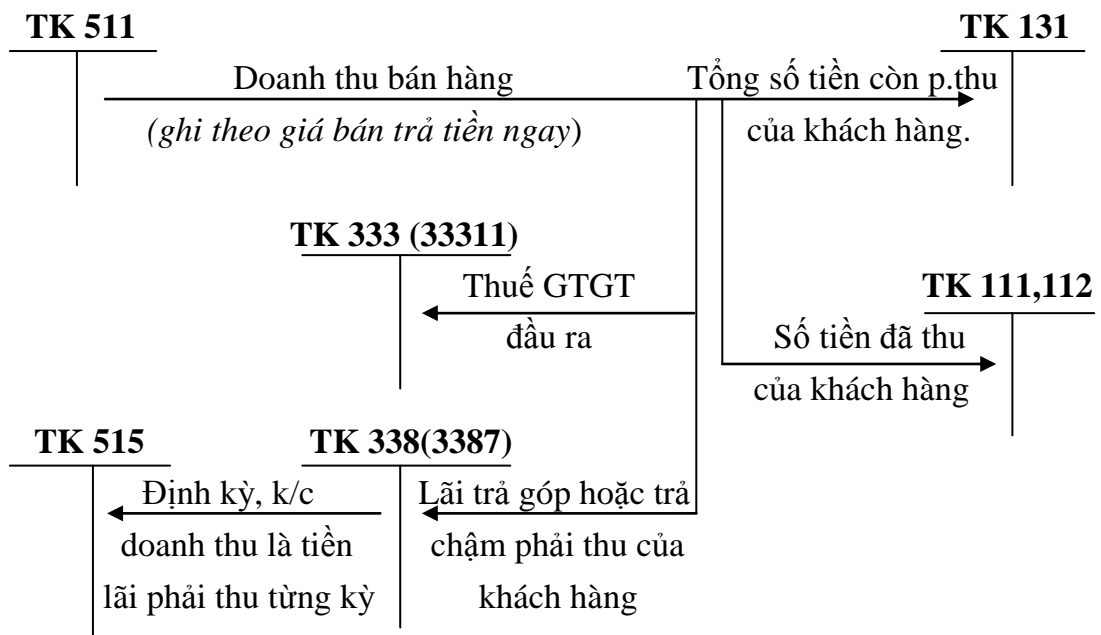
Sơ đồ 1 : Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Sơ đồ 2 : Kế toán bán hàng thông qua đại lý (theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng).



Sơ đồ 3 : Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp.



1.2.2 Tổ chức công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

- Chứng từ sử dụng

- + Phiếu xuất kho (mẫu số 02 – VT), phiếu nhập kho (mẫu số 01 – VT)
- + Phiếu thu (mẫu số 01 – TT) , phiếu chi (mẫu số 02 – TT)
- + Hóa đơn GTGT (mẫu số 01 GTGT – 3 LL)
- + Và các chứng từ khác có liên quan

- Tài khoản sử dụng

- TK 521 : Chiết khấu thương mại
- TK 531 : Hàng bán bị trả lại
- TK 532 : Giảm giá hàng bán
- TK 3331 : Thuế GTGT phải nộp
- TK 3332 : Thuế tiêu thụ đặc biệt
- TK 3333 Thuế xuất, nhập khẩu

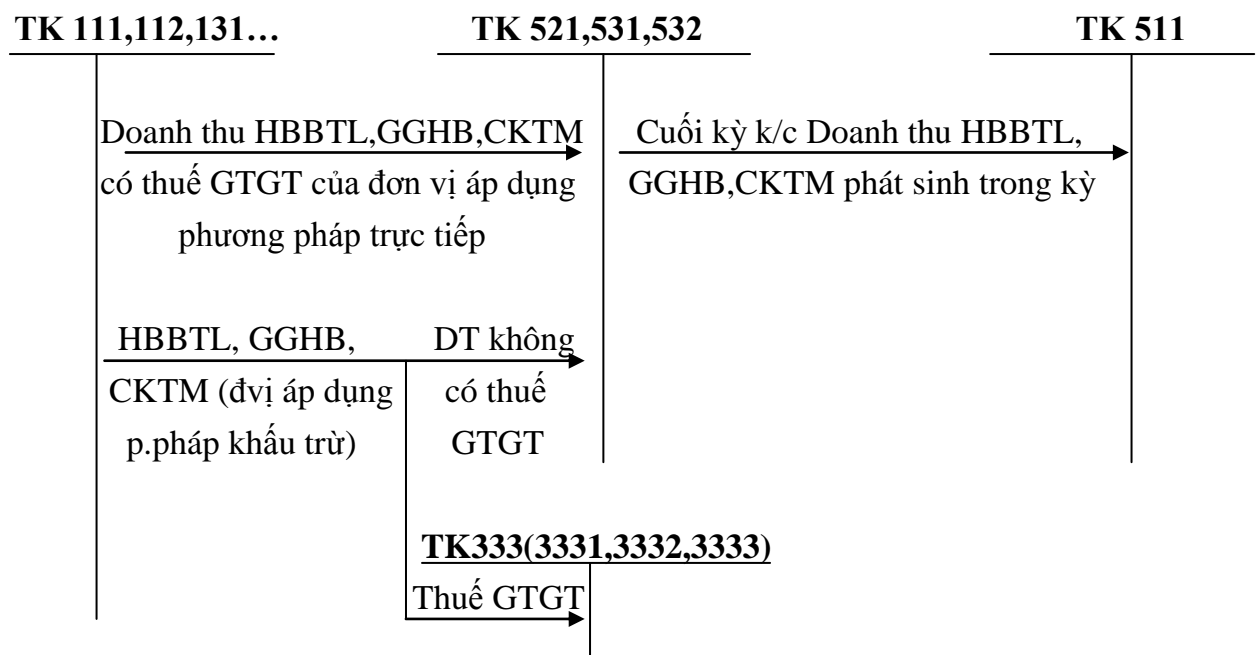
- Kết cấu tài khoản 521,531,532 (không có số dư cuối kì)

Nợ	521	Có
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng		- Cuối kì kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK511 để xác định doanh thu thuần của kì báo cáo.
Σ SPS Nợ		Σ SPS Có
✕		

Nợ	531	Có
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.		- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ TK511 để xác định doanh thu thuần của kì báo cáo.
Σ SPS Nợ		Σ SPS Có
✕		

Nợ	532	Có
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.		- Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK511 để xác định doanh thu thuần của kì báo cáo.
Σ SPS Nợ		Σ SPS Có
✕		

- Sơ đồ quá trình hạch toán 521,531,532



- Các khoản thuế làm giảm doanh thu :

+ Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được tính:

$$\text{Số thuế GTGT phải nộp} = \text{GTGT của hàng hoá,dịch vụ} \times \text{Thuế suất thuế GTGT (\%)}$$

GTGT của hàng hóa dịch vụ = Giá thanh toán của hàng hoá – Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra dịch vụ mua vào tương ứng

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt :

Thuế TTĐB phải nộp = Giá tính thuế TTĐB x Thuế suất.

+ Thuế xuất khẩu :

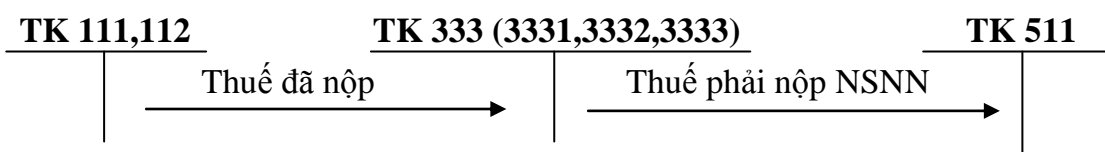
Với hàng hóa áp dụng thuế suất theo tỉ lệ phần trăm :

Thuế xuất khẩu phải nộp = SL đơn vị từng mặt hàng trong Tờ khai hải quan x Trị giá tính thuế tính trên một đơn vị hàng hóa x Thuế suất của từng mặt hàng

Với hàng hóa áp dụng thuế tuyệt đối :

Thuế xuất khẩu phải nộp = SL đơn vị từng mặt hàng thực tế XK ghi trong tờ khai hải quan x Mức thuế tuyệt đối quy định trên một đơn vị hàng hóa

- Sơ đồ hạch toán các khoản thuế làm giảm doanh thu :



1.2.3. Tổ chức công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính

- Chứng từ sử dụng

+ Phiếu thu (mẫu số 01 – TT)

+ Giấy báo có và các chứng từ khác liên quan.

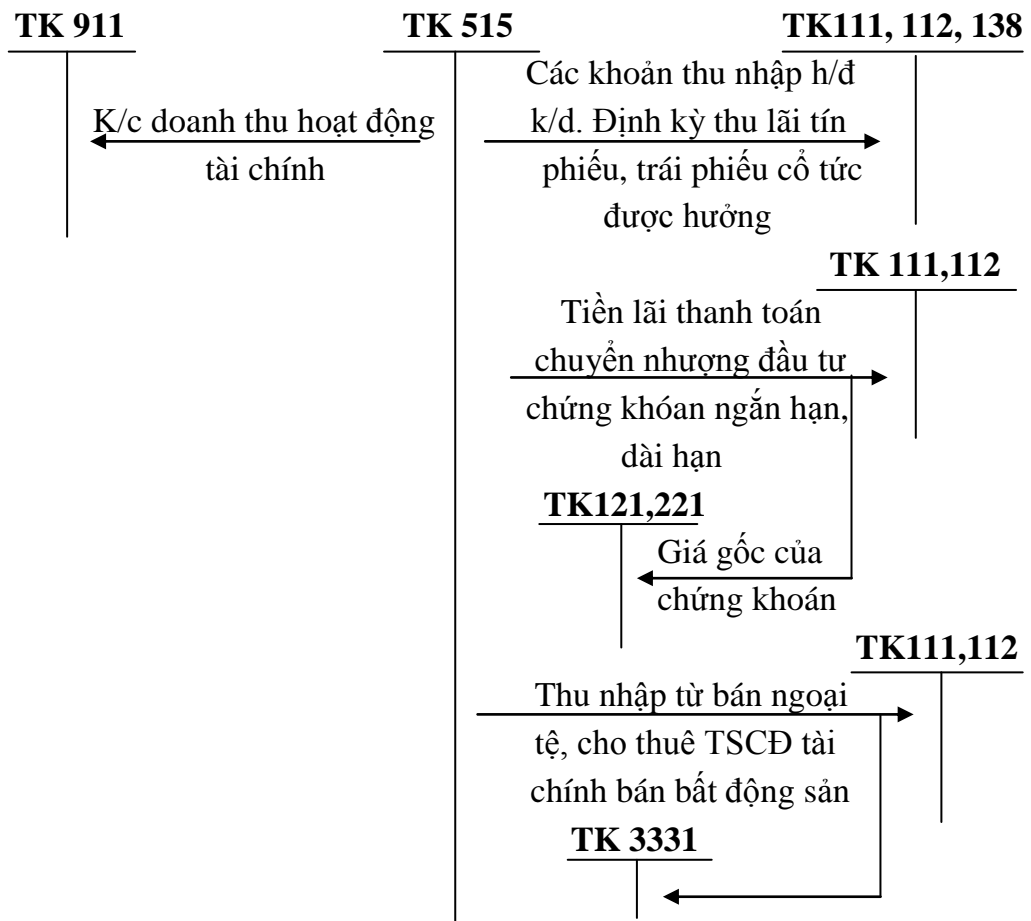
- Tài khoản sử dụng

TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính.

- **Kết cấu tài khoản 515** (không có số dư cuối kì)

Nợ	515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp theo p.pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh. 		<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia. - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào cty con, cty liên doanh, cty liên kết. - Chiết khấu thanh toán được hưởng. - Lãi tỉ giá hối đoái phát sinh trong kì . - Lãi tỉ giá hối đoái khi bán ngoại tệ. - Lãi tỉ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản ngoại tệ. - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỉ giá hối đoái của hoạt động đầu tư đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động DTTC. - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kì.
Σ SPS Nợ		Σ SPS Có

- **Sơ đồ quá trình hạch toán 515**



1.2.4. Tổ chức công tác kế toán thu nhập khác

- Chứng từ sử dụng

+ Biên bản thanh lí, nhượng bán TSCĐ (Mẫu số 02 – TSCĐ)

+ Phiếu thu (mẫu số 01 – TT)

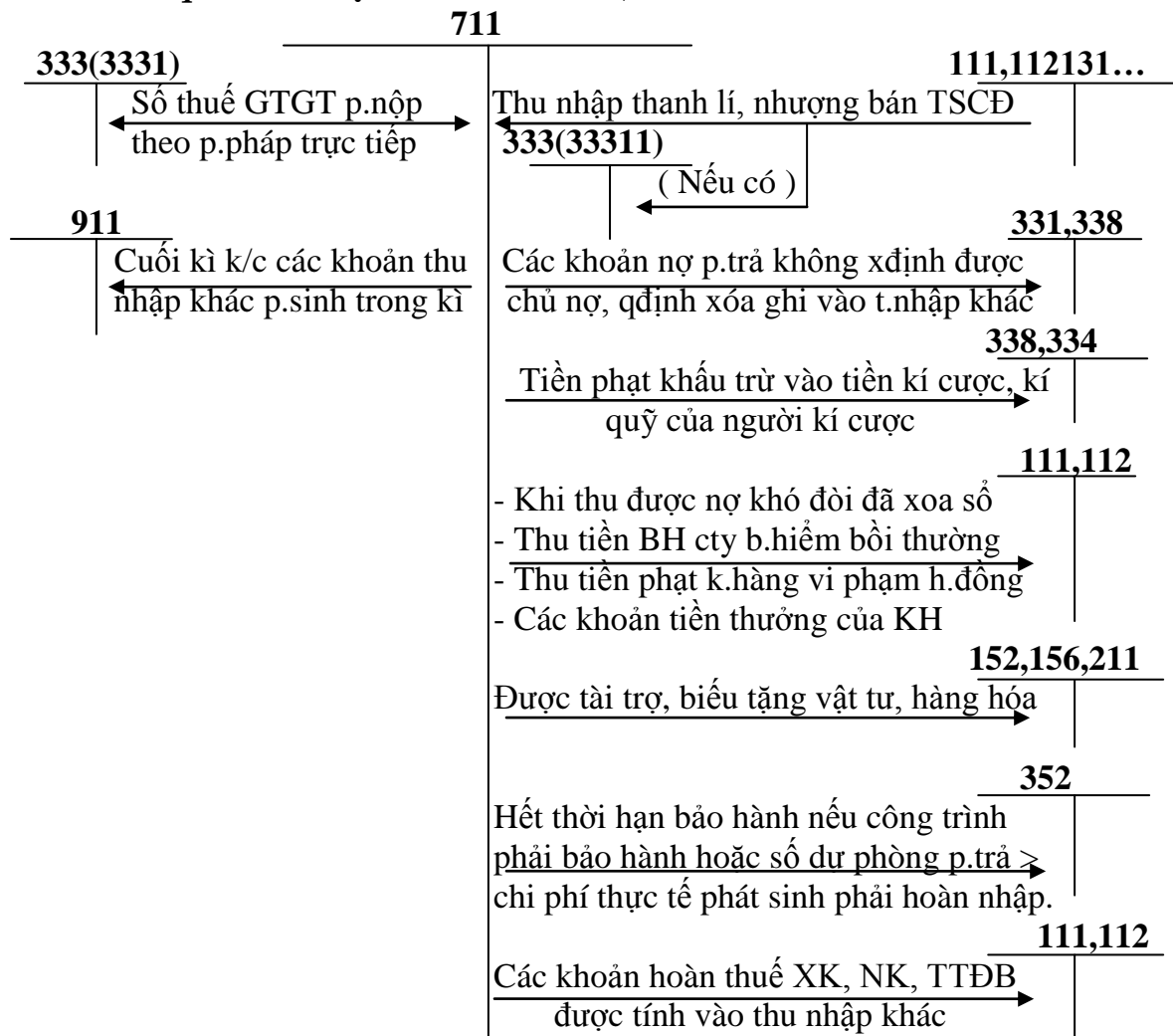
- Tài khoản sử dụng

TK 711 : Thu nhập khác

- Kết cấu tài khoản 711

Nợ	711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) theo p.pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kì.
- Cuối kì k/c các khoản thu nhập khác phát sinh trong kì sang TK 911.		
Σ SPS Nợ		Σ SPS Có

- Sơ đồ quá trình hạch toán 711



1.2.5. Tổ chức công tác kế toán giá vốn hàng bán

- Phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho để bán:

- Đối với doanh nghiệp sản xuất : Trị giá vốn của hàng xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa bán ngay chính là giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm xuất kho hoặc giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm hoàn thành.

- Đối với doanh nghiệp thương mại : Trị giá vốn của hàng xuất kho để bán bao gồm : Trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Trong đó:

+ Trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được xác định theo một phương pháp tính giá hàng tồn kho.

+ Chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán : do chi phí mua hàng liên quan đến nhiều chủng loại hàng hóa, liên quan đến khối lượng hàng hóa trong kỳ và hàng bán đầu kỳ, cho nên cần phân bổ chi phí mua hàng cho hàng đã bán trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ.

Công thức:

Chi phí m.hàng phân bổ cho HH đã bán	=	Chi phí mua hàng của HH tồn kho đầu kỳ + Chi phí mua hàng của HH phát sinh trong kỳ + Chi phí mua hàng của HH tồn cuối kỳ và HH đã xuất bán trong kỳ	x phân bổ của HH đã xuất bán trong kỳ
--	---	--	---

Trong đó : Hàng hóa tồn kho cuối kỳ bao gồm cả hàng hóa tồn trong kho, hàng hóa đã mua nhưng còn đang đi trên đường và hàng gửi bán nhưng chưa được chấp nhận.

- Các phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho

a, Phương pháp bình quân gia quyền : Theo phương pháp này thì trị giá thực tế của hàng hóa, thành phẩm xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hóa, thành phẩm xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền.

Giá thực tế xuất kho	=	Số lượng xuất x Đơn giá thực tế bình quân
Đơn giá thực tế bình quân	=	$\frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$

Giá đơn vị bình quân gia quyền có thể được tính theo hai cách:

+ *Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kì:*

Nếu đến cuối kỳ kế toán mới xác định đơn giá thì đơn giá bình quân đó là đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ.

$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kì} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kì} + \text{Trị giá hàng nhập trong kì}}{\text{Lượng hàng tồn đầu kì} + \text{Lượng hàng nhập trong kì}}$$

+ *Giá đơn vị bình quân gia quyền liên hoàn :*

Nếu sau mỗi lần nhập, xuất kế toán xác định lại đơn giá thực tế bình quân thì giá đó là giá thực tế bình quân gia quyền liên hoàn.

$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } i}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập } i}$$

b, Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nhập trước sẽ được xuất trước, xuất hết số lượng hàng nhập trước mới tính đến số lượng hàng nhập sau theo giá mua thực tế của từng loại hàng (trong trường hợp này số hàng tồn đầu kì được coi là nhập lần đầu tiên).

c, Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)

+ Xác định tại thời điểm cuối kì : Theo phương pháp này hàng nào nhập vào sau cùng sẽ được xuất ra đầu tiên.

+ Xác định sau mỗi lần nhập : Theo phương pháp này thì sau mỗi lần nhập sẽ xác định giá trị thực tế xuất kho.

d, Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này hàng hóa nhập kho theo giá nào thì được xuất kho theo giá đó. Hàng hóa được xác định theo đơn chiếc từng lô và giữ nguyên giá cho đến lúc bán (trừ trường hợp điều chỉnh).

Phương pháp này phản ánh chính xác giá trị của từng lô hàng hóa của mỗi lần nhập. Do đó, những doanh nghiệp có nhiều mặt hàng, nhiều nghiệp vụ xuất nhập hàng hóa không nên áp dụng.

- Chứng từ sử dụng

+ Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01/GTKT – 3LL)

+ Phiếu nhập kho (Mẫu số 01 – VT)

+ Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 – VT)

+ Và các chứng từ hóa đơn liên quan khác.

- Tài khoản sử dụng

- + TK 156 : Hàng hóa
- + TK 632 : Giá vốn hàng bán

- Kết cấu tài khoản 632 (không có số dư cuối kì)

A, Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Nợ	632	Có
<p>- Đối với hoạt động SXKD phản ánh :</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trị giá vốn của SP,HH,DV đã bán trong kì. + Chi phí NL,VL,NC vượt mức bình thường và CPSXC cố định không phân bổ được. + Hao hụt, mất mát của HTK sau khi trừ phần bồi thường tr.nhiệm do cá nhân gây ra. + Chi phí xây dựng TSCĐ vượt trên mức bình thường không tính vào NG TSCĐHH. + Số trích lập dự phòng giảm giá HTK. <p>- Đối với HĐKD BĐS đầu tư phản ánh :</p> <ul style="list-style-type: none"> + Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kì. + Chi phí sửa chữa BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư. + Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kì. + Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lí + Chi phí bán, thanh lí BĐS đầu tư. 	<ul style="list-style-type: none"> - K/c giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kì sang TK 911. - K/c toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kì để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước). - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho. 	
Σ SPS Nợ		Σ SPS Có



B, Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kì.

- Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:

Nợ	632	Có
<ul style="list-style-type: none"> + Trị giá vốn của HH đã bán trong kì. + Số trích lập dự phòng giảm giá HTK (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng phải lập năm trước chưa sử dụng hết). 	<ul style="list-style-type: none"> - K/c giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa xác định được là đã tiêu thụ. - Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước). - K/c giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên nợ TK 911. 	
Σ SPS Nợ		Σ SPS Có

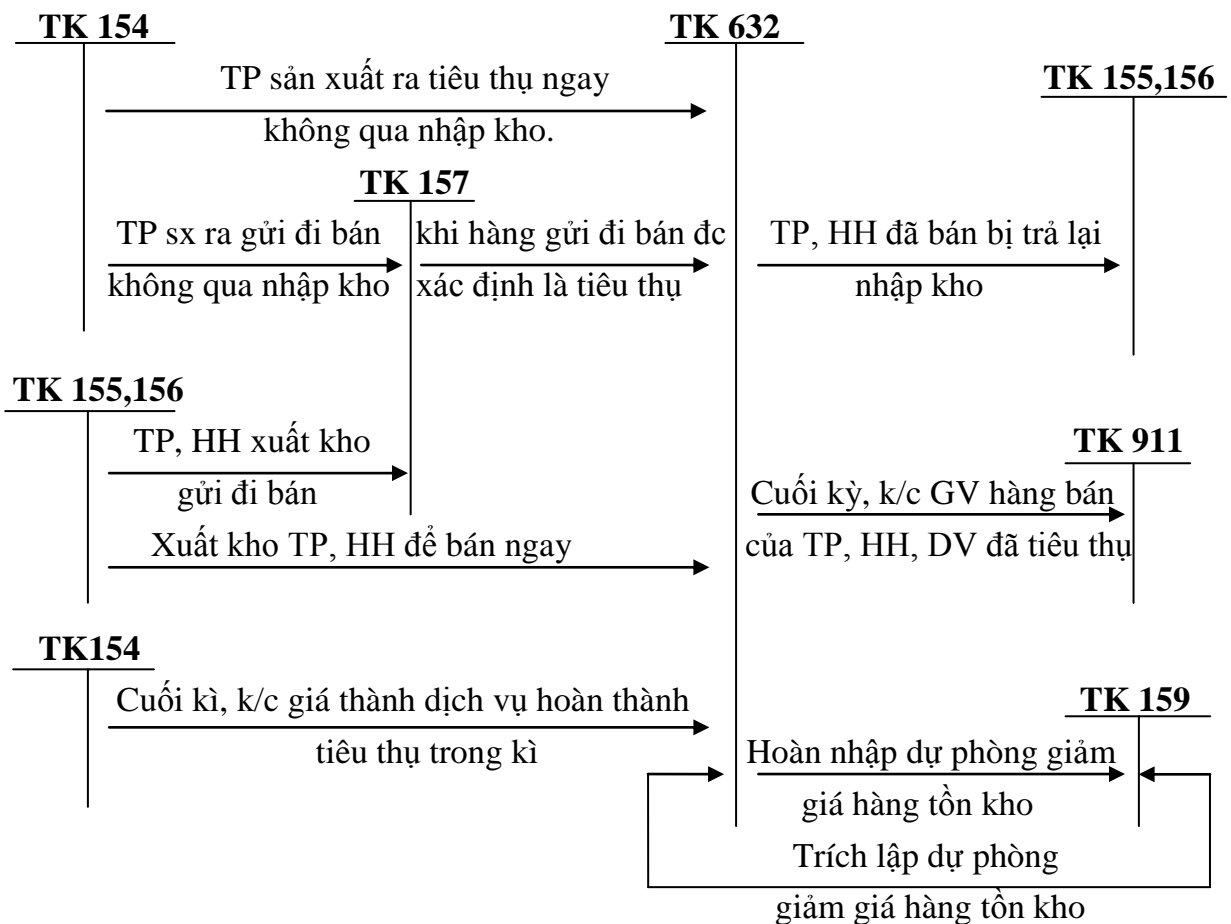


- Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh vật tư :

Nợ	632	Có
+ Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kì. + Số trích lập dự phòng giảm giá HTK (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng phải lập năm trước chưa sử dụng hết). + Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.		- K/c giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kì vào bên nợ TK 155. - Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước). - K/c giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kì vào bên nợ TK 911.
Σ SPS Nợ		Σ SPS Có
✕		

- Sơ đồ quá trình hạch toán 632

A, Theo phương pháp kê khai thường xuyên



B, Theo phương pháp kiểm kê định kì :



1.2.6. Tổ chức công tác kế toán chi phí bán hàng

- Chứng từ sử dụng

- + Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 – LĐTL).
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ).
- + Bảng phân bổ NVL – CCDC (Mẫu số 07 – VT).
- + Các chứng từ gốc có liên quan.

- Tài khoản sử dụng

TK 641 : Chi phí bán hàng

TK 641 gồm có 7 tài khoản cấp 2 như sau :

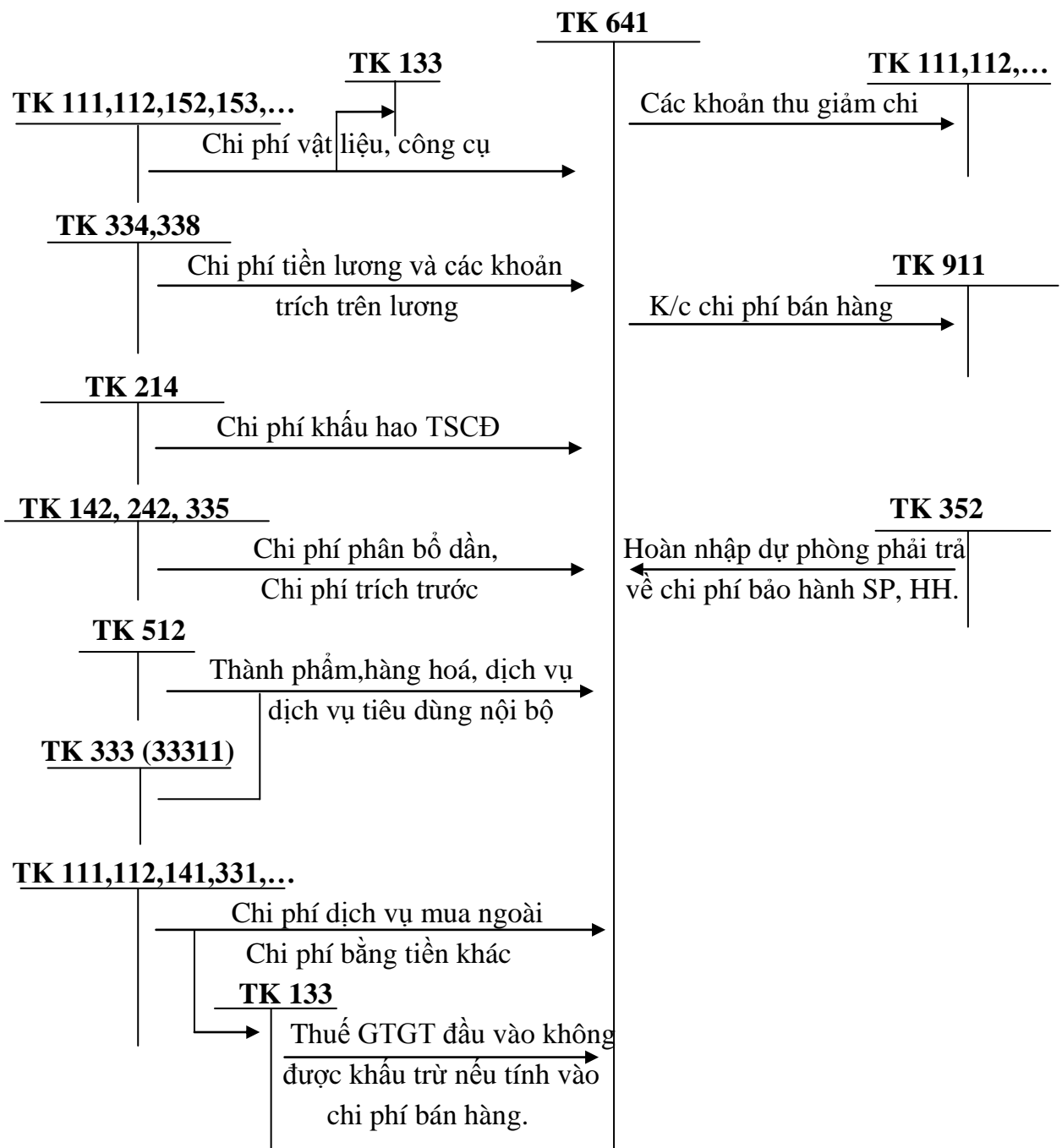
- + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
- + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- + TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
- + TK 6426: Chi phí dự phòng
- + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác.

- **Kết cấu tài khoản 641** (không có số dư cuối kì).

Nợ	641	Có
+ Các chi phí có liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.		- K/c chi phí bán hàng vào TK 911 để tính kết quả kinh doanh trong kì.
Σ SPS Nợ		Σ SPS Có

✕

- **Sơ đồ quá trình hạch toán 641**



1.2.7. Tổ chức công tác kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chứng từ sử dụng

+ Căn cứ vào các bảng phân bổ (bảng phân bổ tiền lương, bảng phân bổ vật liệu và CCDV, bảng phân bổ khấu hao TCSĐ).

+ Các chứng từ gốc có liên quan.

- Tài khoản sử dụng

TK 642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp.

TK 642 có 8 tài khoản cấp 2 như sau :

+ TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.

+ TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.

+ TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.

+ TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.

+ TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.

+ TK 6426: Chi phí dự phòng

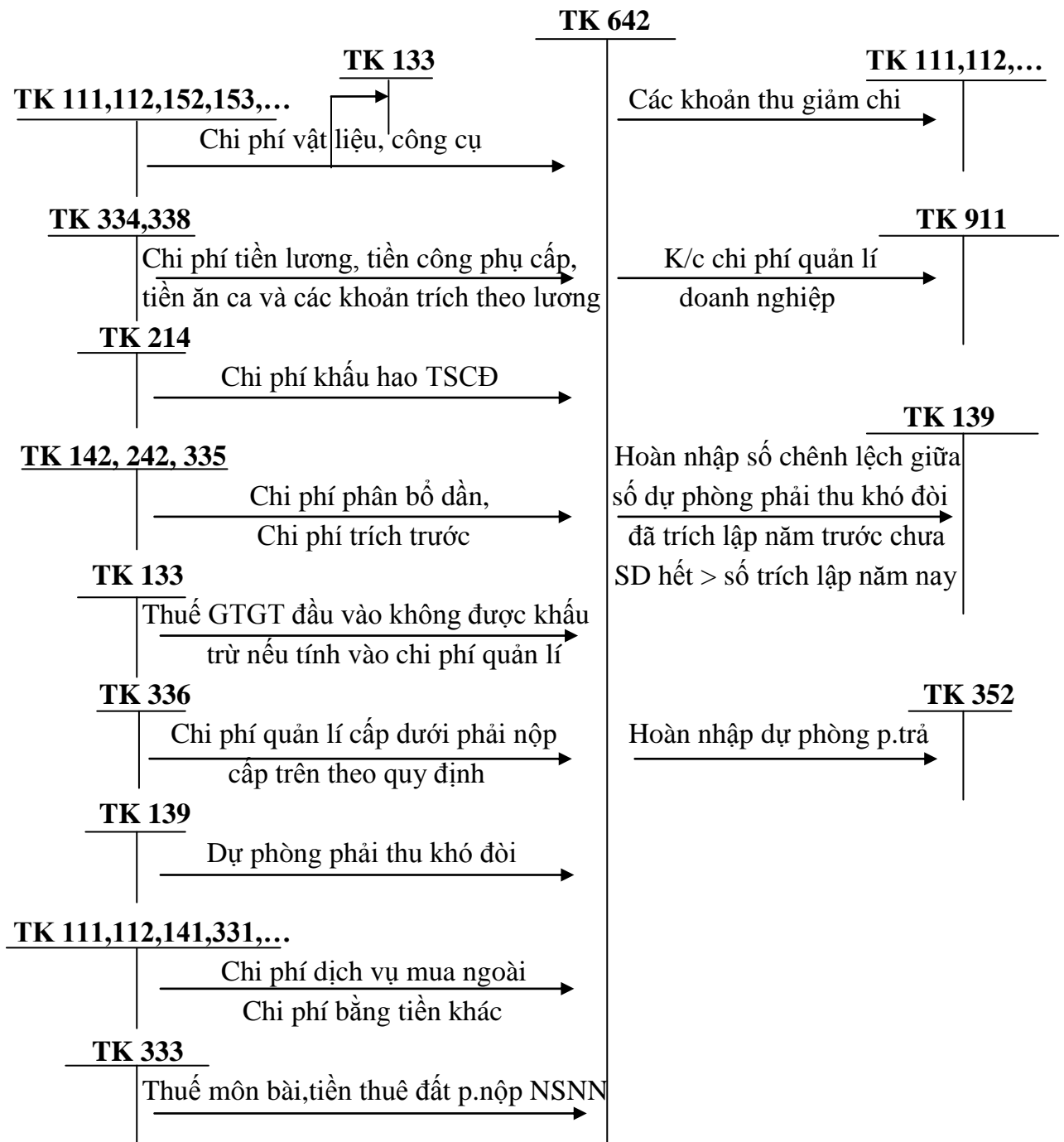
+ TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.

+ TK 6428: Chi phí bằng tiền khác.

- Kết cấu tài khoản 642 (không có số dư cuối kì).

Nợ	642	Có
+ Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kì.		- K/c chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911 để tính kết quả kinh doanh trong kì.
+ Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kì này lớn hơn số dự phòng đã lập kì trước chưa sử dụng hết).		
+ Dự phòng trợ cấp mất việc làm.		
Σ SPS Nợ		Σ SPS Có
X		

- Sơ đồ quá trình hạch toán 642



1.2.8 Tổ chức công tác kế toán chi phí tài chính

- Chứng từ sử dụng

- + Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT).
- + Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT – 3 LL).
- + Giấy báo nợ
- + Và các chứng từ hóa đơn liên quan khác.

- Tài khoản sử dụng

TK 635 : chi phí tài chính

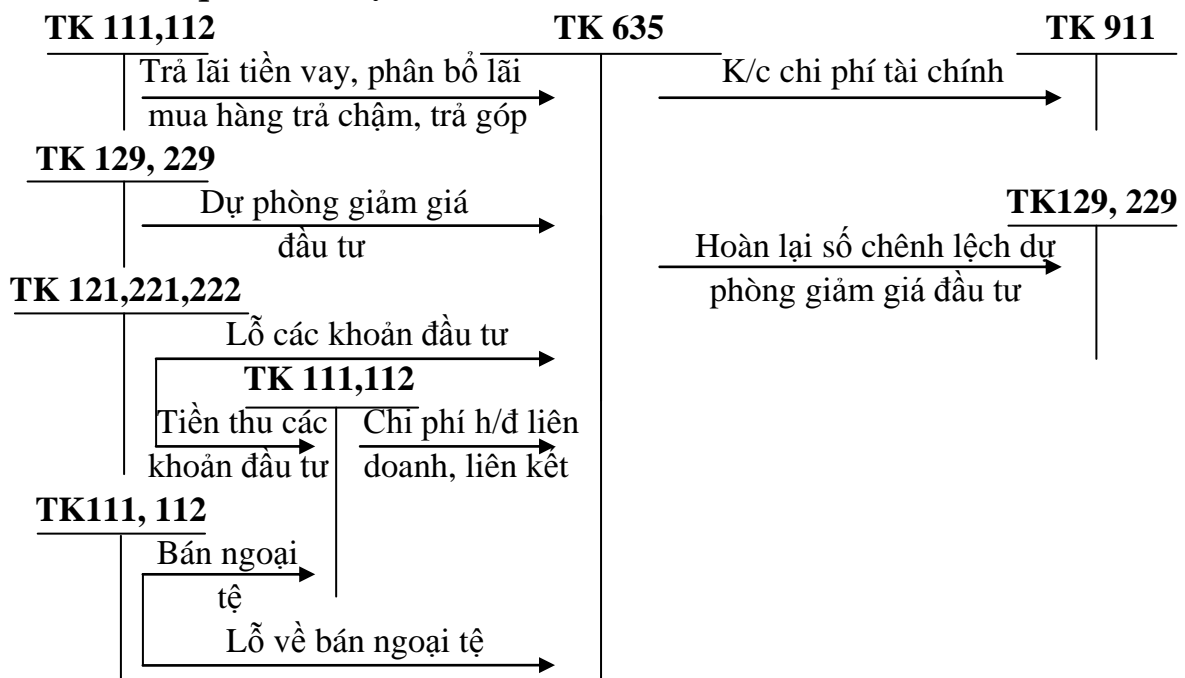
Các tài khoản liên quan : TK 111, 112, 131, 133...

- Kết cấu tài khoản 635 (Không có số dư cuối kì)

Nợ	635	Có
- Chi phí tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi cho thuê tài sản tài chính. - Lỗ bán ngoại tệ. - Chiết khấu thanh toán cho người mua. - Lỗ tỉ giá hối đoái phát sinh trong kì . - Lỗ tỉ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỉ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (lỗ tỉ giá giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính. - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kì này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết). - Cuối kì kế toán k/c toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kì sang TK 911 để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
∑SPS Nợ		∑SPS Có



- Sơ đồ quá trình hạch toán 635



1.2.9 Tổ chức công tác kế toán chi phí khác

- Chứng từ sử dụng

- + Phiếu chi (mẫu số 02 - TT)
- + Biên bản thanh lí, nhượng bán TSCĐ (mẫu số 02 - TSCĐ).
- + Và các chứng từ, hóa đơn liên quan khác.

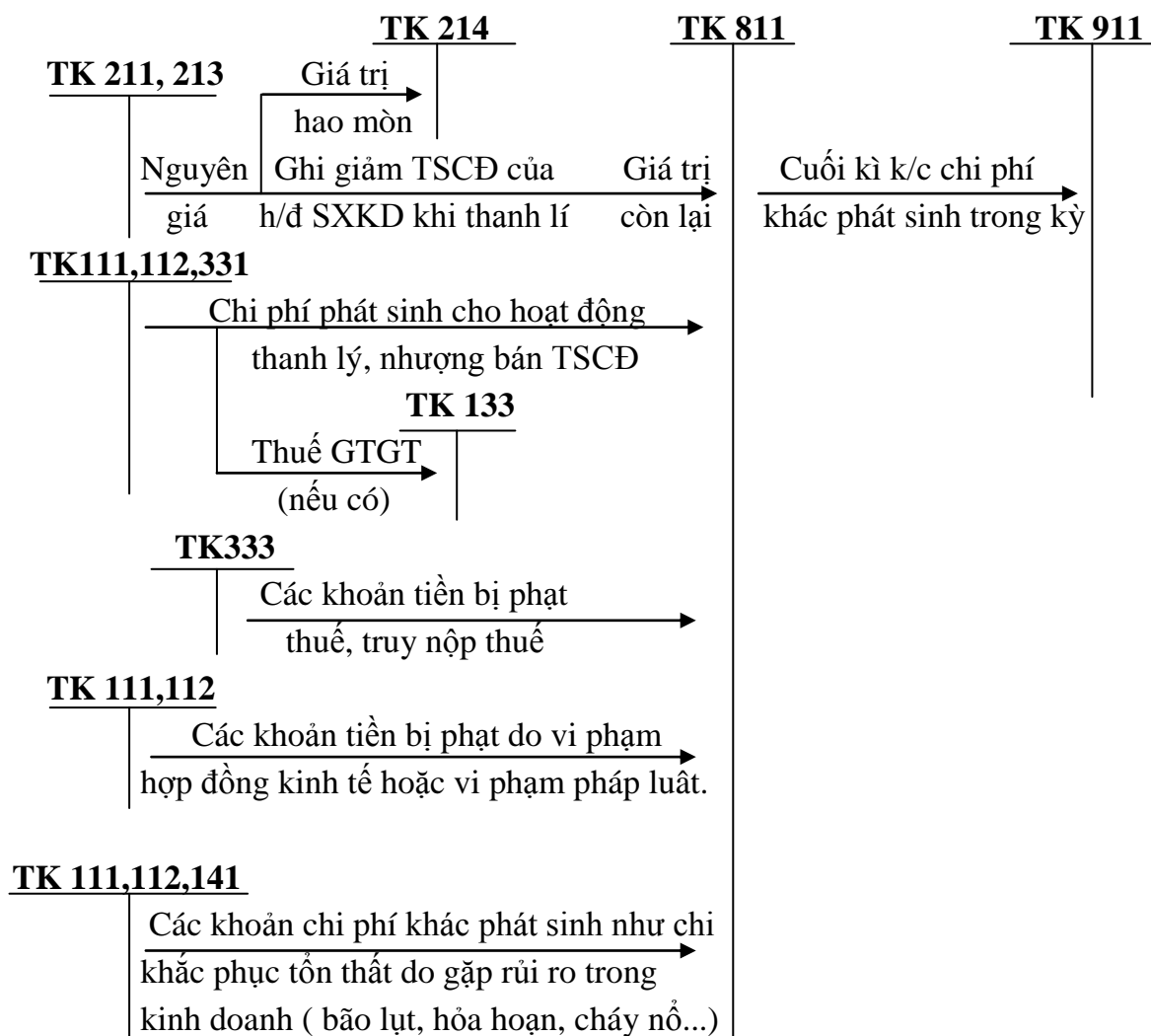
- Tài khoản sử dụng

TK 811 : Chi phí khác

- Kết cấu tài khoản 811 (không có số dư cuối kì)

Nợ	811	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thanh lí, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lí, nhượng bán (nếu có). - Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác. - Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế. - Bị phạt thuế, truy nộp thuế - Các khoản chi phí khác. 		<ul style="list-style-type: none"> - Cuối kì kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kì vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.
Σ SPS Nợ		Σ SPS Có

- Sơ đồ quá trình hạch toán 811



1.2.10. Tổ chức công tác kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- Chứng từ sử dụng :

+ Phiếu kế toán và các chứng từ liên quan khác.

- Tài khoản sử dụng

TK 821 : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

TK 821 có 2 TK cấp 2 như sau :

+ TK 8211 : Chi phí thuế TNDN hiện hành .

+ TK 8212 : Chi phí thuế TNDN hoãn lại.

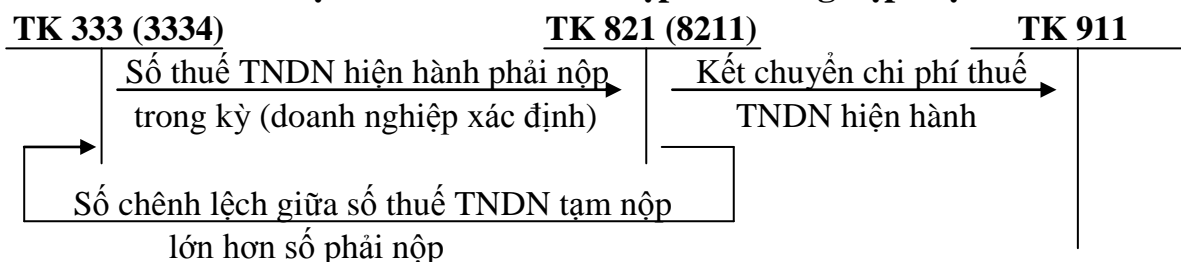
- Kết cấu tài khoản 821 (không có số dư cuối kì)

Nợ	821	Có
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm. - Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung. - Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả. - Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại. - Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên có TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên nợ TK 8212 phát sinh trong kì vào bên có TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.	- Số thuế TNDN hiện hành phải nộp trong năm < số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào CP thuế TNDN hiện hành được giảm trừ trong năm. - Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu. - Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại. (thuế TN hoãn lại > thuế TN hoàn lại). - Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại (thuế TN hoãn lại phải trả được hoàn nhập > thuế TN hoãn lại p.trả phát sinh). - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm > khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm vào TK 911. - K/c chênh lệch giữa số phát sinh nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh có TK 8212 phát sinh trong kì vào bên nợ TK 911.	
ΣSPS Nợ		ΣSPS Có



- Sơ đồ quá trình hạch toán 821

Sơ đồ 1: Hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.



Sơ đồ 2: Hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (TNDN HL)

TK 347	TK 821 (8212)	TK 347
Chênh lệch giữa số thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh trong năm > số thuế TNDN hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm	Chênh lệch giữa số thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh trong năm < số thuế TNDN hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm	
TK 243	TK 243	TK 243
Chênh lệch giữa số tài sản thuế TN hoãn lại phát sinh < tài sản thuế TN hoãn lại được hoàn nhập trong năm	Chênh lệch giữa số tài sản thuế TN hoãn lại phát sinh > tài sản thuế TN được hoàn nhập trong năm	
TK 911	TK 911	TK 911
K/c chênh lệch số phát sinh có lớn hơn số phát sinh nợ TK 8212	K/c chênh lệch số phát sinh có nhỏ hơn số phát sinh nợ TK 8212	

1.2.11. Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh

- Chứng từ sử dụng

- + Phiếu kế toán
- + Và các chứng từ liên quan khác.

- Tài khoản sử dụng

- TK 911 : Xác định kết quả kinh doanh.
- TK 421 : Lợi nhuận chưa phân phối
- TK 421 có 2 TK cấp 2:
 - + TK 4211 : Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.
 - + TK 4212 : Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.
- Các tài khoản khác có liên quan.

- Kết cấu tài khoản 911,421

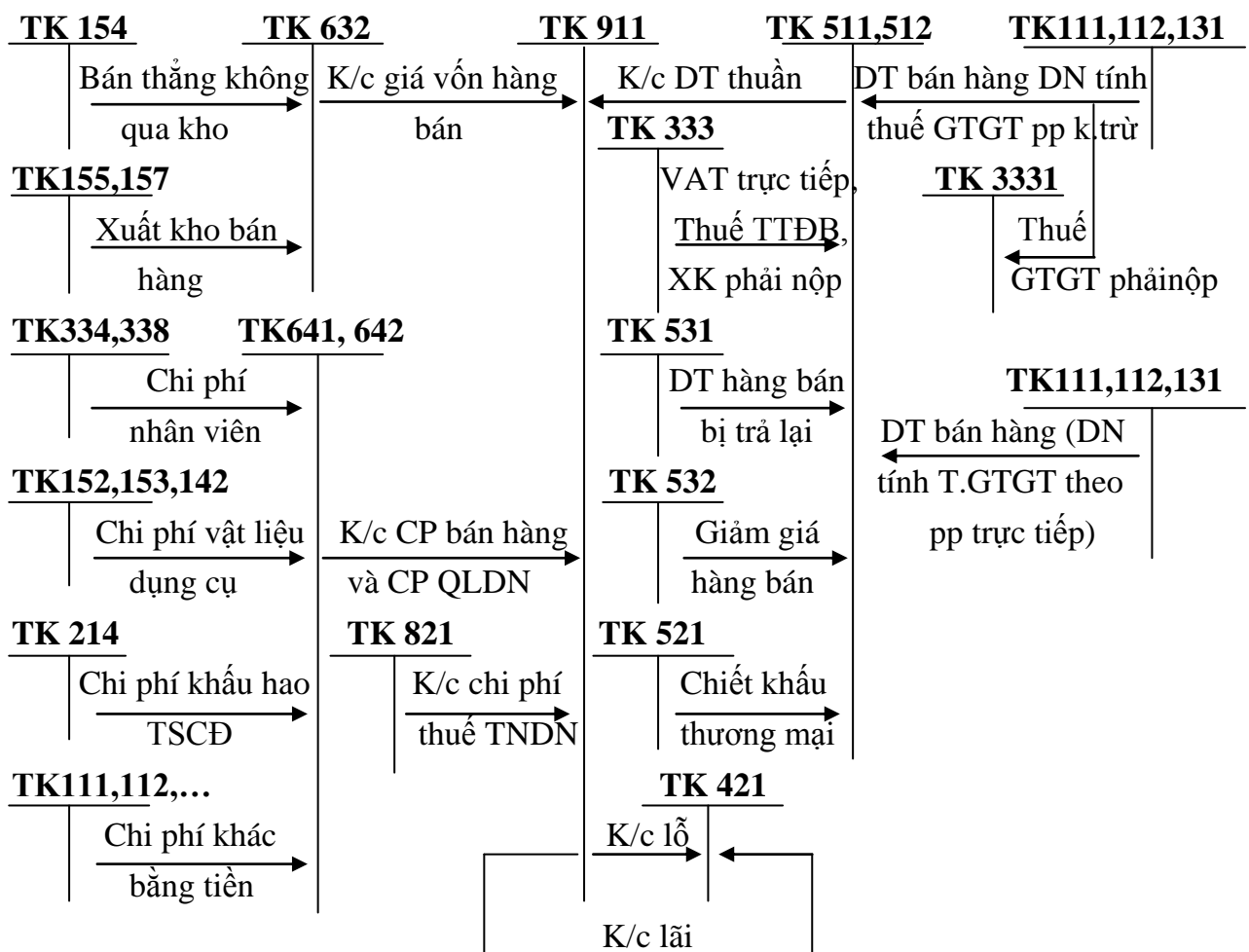
TK 911 : (không có số dư cuối kì)

Nợ	911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.		- Doanh thu thuần của sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư , dịch vụ đã bán trong kì.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác.		- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN.
- C.phí bán hàng và c.phí quản lí DN		- Kết chuyển lỗ.
- Kết chuyển lãi.		
Σ SPS Nợ		Σ SPS Có
X		

TK 421 : (có thể có số dư bên nợ hoặc số dư bên có)

Nợ	421	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số lỗ về hoạt động kinh doanh của DN - Trích lập các quỹ của doanh nghiệp. - Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh. - Bổ sung nguồn vốn kinh doanh. - Nộp lợi nhuận lên cấp trên. 		<ul style="list-style-type: none"> - Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kì. - Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù. - Xử lí các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
ΣSPS Nợ		ΣSPS Có
SDCK : số lỗ về HĐKD chưa xử lí		SDCK : Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng

- Sơ đồ quá trình hạch toán kết quả hoạt động SXKD (bán hàng).



1.3 Tổ chức vận dụng các hình thức và sổ sách kế toán

1.3.1 Các hình thức kế toán

Để ghi chép, hệ thống hoá thông tin kế toán, doanh nghiệp phải sử dụng 1 hình thức kế toán nhất định, phù hợp với đặc điểm, quy mô hoạt động SXKD của doanh nghiệp và trình độ của đội ngũ cán bộ kế toán hiện có.

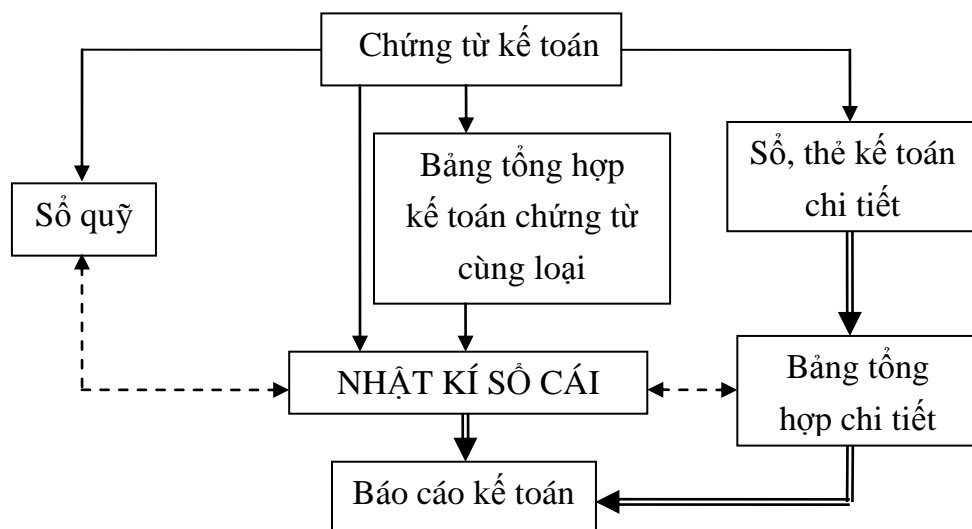
Hiện nay, các hình thức sổ sách được áp dụng là: (5 hình thức)

- Hình thức kế toán Nhật kí - Sổ cái.
- Hình thức kế toán Nhật kí chung.
- Hình thức kế toán Nhật kí - Chứng từ.
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

1.3.2 Hình thức Nhật ký - sổ cái.

- Đặc điểm: Sử dụng sổ nhật ký sổ cái làm sổ tổng hợp để ghi chép tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thứ tự thời gian và hệ thống trên cùng một trang sổ.

- Ưu điểm: sử dụng các loại sổ có kết cấu đơn giản, dễ kiểm tra, đối chiếu.
- Nhược điểm: khó phân công công việc.



Sơ đồ : Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái

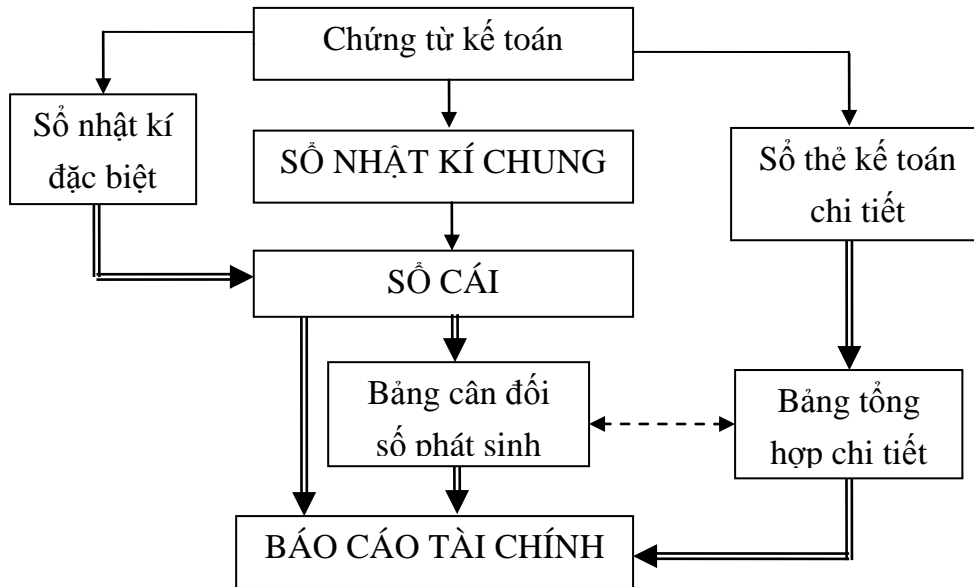
- * **Ghi chú:**
- : Ghi hàng ngày (định kỳ).
 - ==→ : Ghi vào cuối tháng (hoặc định kỳ).
 - ←- - -> : Đối chiếu, kiểm tra.

1.3.3- Hình thức Nhật ký chung.

- Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi theo thứ tự thời gian, theo quan hệ đối ứng của các TK vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái các TK có liên quan.

- Ưu điểm: Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công công việc.

- Nhược điểm: việc ghi chép bị trùng lặp nhiều.



Sơ đồ: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chung

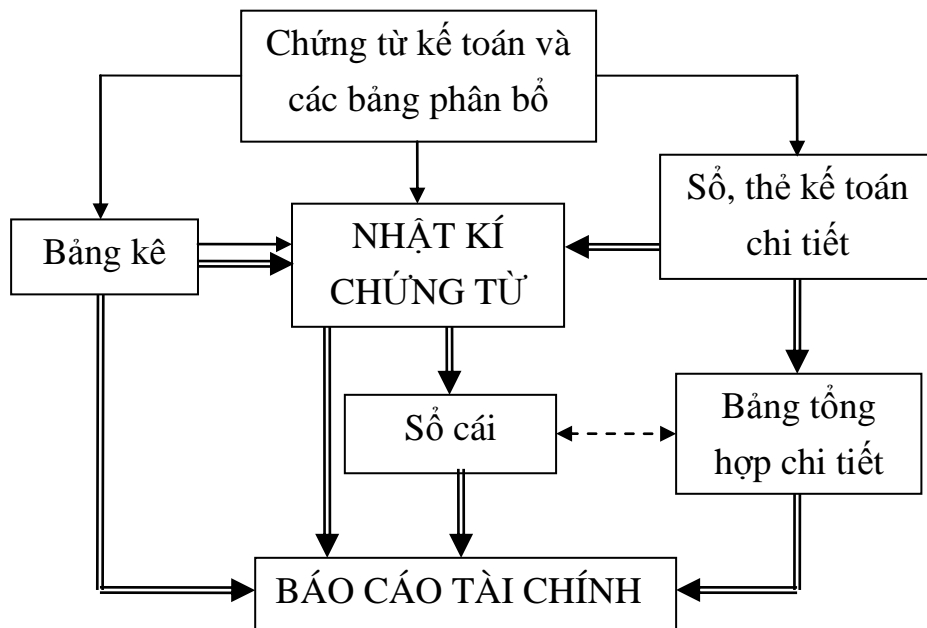
- * **Ghi chú:** ———> : Ghi hàng ngày (định kỳ).
 ==> : Ghi vào cuối tháng (hoặc định kỳ).
 <---> : Đối chiếu, kiểm tra.

1.3.4- Hình thức Nhật ký chứng từ.

- Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại và ghi vào bảng kê và Nhật ký chứng từ, cuối tháng tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ để ghi vào sổ cái tài khoản.

- Ưu điểm: Tập hợp số liệu vào các chứng từ, sổ theo quan hệ đối ứng của các tài khoản nên giảm nhẹ thao tác ghi chép, dễ đối chiếu, kiểm tra.

- Nhược điểm: Mẫu sổ phức tạp đòi hỏi nhân viên kế toán phải có chuyên môn vững vàng, không thuận tiện cho việc tin học hoá công tác kế toán.

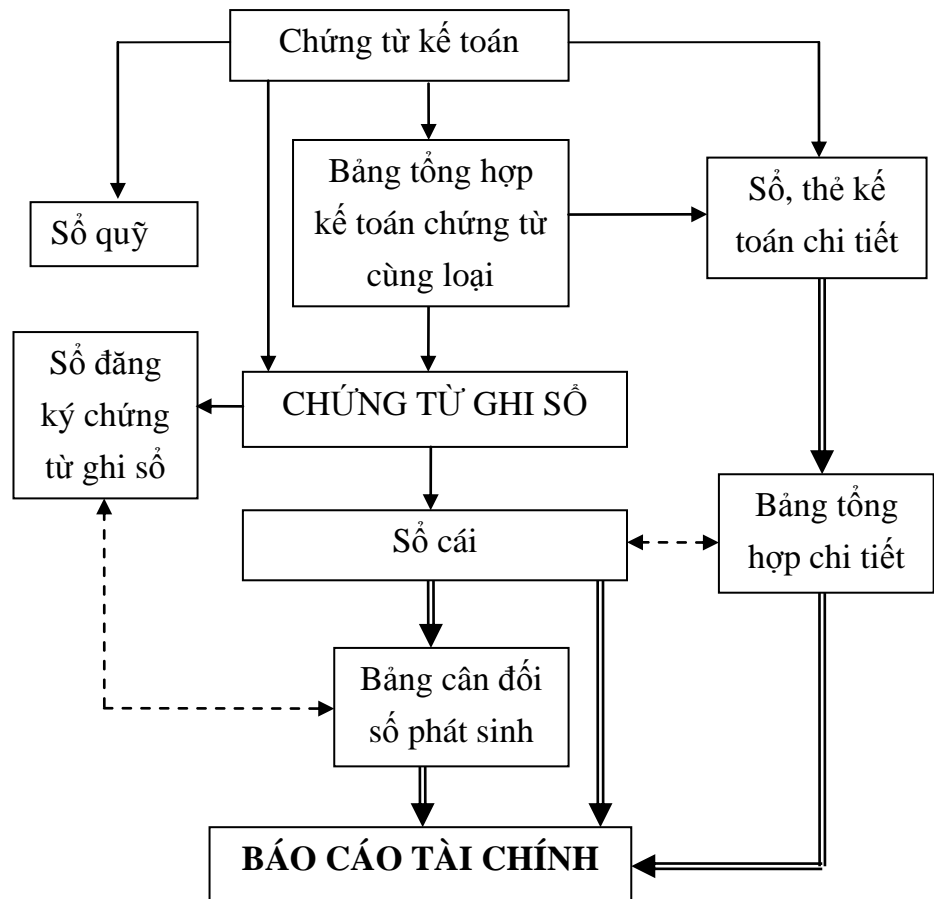


Sơ đồ: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chứng từ.

- * **Ghi chú:**
 —————> : Ghi hàng ngày (định kỳ).
 =====> : Ghi vào cuối tháng (hoặc định kỳ).
 <-----> : Đối chiếu, kiểm tra.

1.3.5- Hình thức Chứng từ ghi sổ.

- Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại tổng hợp để lập Chứng từ ghi sổ, căn cứ vào chứng từ ghi sổ ghi vào sổ cái tài khoản.
- Ưu điểm: Kết cấu mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, dễ đối chiếu số liệu.
- Nhược điểm: ghi chép còn trùng lặp, khối lượng ghi chép nhiều.

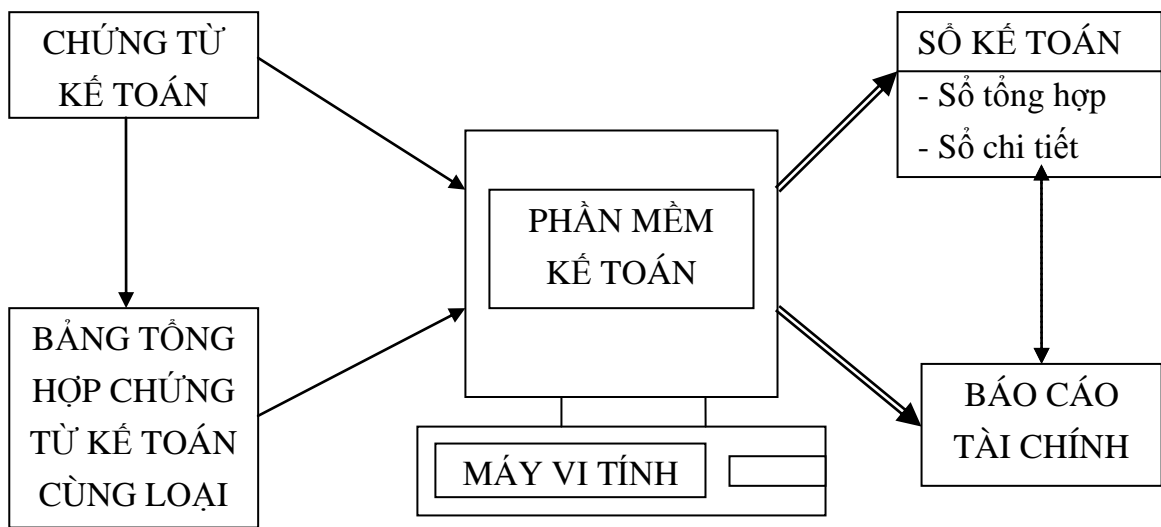


Sơ đồ : Trình tự hạch toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

- * **Ghi chú:**
- : Ghi hàng ngày (định kỳ).
 - ⇒ : Ghi vào cuối tháng (hoặc định kỳ).
 - ← - - - → : Đối chiếu, kiểm tra.

1.3.6- Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán trên máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiện thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán. Nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và báo các tài chính theo quy định.



Sơ đồ : Trình tự kế toán theo hình thức trên máy vi tính

- * **Ghi chú:**
- : Ghi hàng ngày (định kỳ).
 - ==→ : Ghi vào cuối tháng (hoặc định kỳ).
 - ←---→ : Đối chiếu, kiểm tra.

CHƯƠNG 2 : THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÚ

2.1 Khái quát chung về công ty trách nhiệm hữu hạn An Phú

2.1.1 Một số nét khái quát về công ty TNHH An Phú.

❖ Tên công ty viết bằng tiếng việt :

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÚ

❖ Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài : **AN PHU CO.,LTD**

❖ Tên công ty viết tắt : **APC**

❖ Mã số doanh nghiệp : **0200414248**

❖ Địa chỉ trụ sở chính : Số 43/282 Đà Nẵng, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

❖ Điện thoại : **+84.31.3751643**

❖ Fax : **+84.31.3750965**

❖ Email : **anphus@hn.vnn.vn**

❖ Vốn điều lệ : **2.500.000.000 (VND)**

❖ Tổng số diện tích : **2000 m²**

❖ Tổng số nhân viên : **170 người**

❖ Năng suất : **12.000 đến 15.000 đôi/tháng**

❖ Khách hàng chính : Một số khách hàng châu Âu và trong nước.

2.1.2 Quá trình hình thành phát triển công ty TNHH An Phú.

Công ty TNHH An Phú được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh và đăng kí thuế công ty trách nhiệm hữu hạn có 2 thành viên trở nên (3 thành viên góp vốn) với đăng kí lần đầu ngày 21/09/2000 và đăng kí thay đổi lần 4 ngày 22/10/2010.

❖ Giai đoạn 1 : (2000-2002)

Những năm đầu mới thành lập từ tháng 9 năm 2000 đến hết năm 2002 công ty chỉ có 60 lao động với số vốn ban đầu 250 triệu đồng, chuyên sản xuất giày dép xuất khẩu sang Đông Âu và các nước phụ cận. Nhà xưởng thuê lại của Trung tâm tư vấn việc làm số 287 Tô Hiệu với tổng diện tích 400m² bao gồm cả kho hàng, văn phòng và xưởng sản xuất. Nhưng doanh số xuất khẩu đã đạt trung bình 1 triệu

USD/ năm. Ở giai đoạn này, phần lớn các đơn hàng đều phải đi thuê gia công ở các đơn vị khác nên việc quản lí chất lượng sản phẩm gặp nhiều khó khăn và không chặt chẽ hơn nữa chi phí giá thành cao ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty.

Đứng trước thực trạng trên, tháng 12/2002 công ty đã kí hợp đồng thuê lại khu chợ của ủy ban phường Vạn Mỹ tại số 43/282 Đường Đà Nẵng - Quận Ngô Quyền - HP với tổng diện tích 1200m², thời gian 20 năm với mặt bằng rộng lớn hơn. Công ty đã tăng vốn pháp định lên 1000 triệu đồng, tuyển thêm 60 công nhân tại địa phương và 100 công nhân tại các xưởng may ngoại thành. Bằng những động thái tích cực trên, sản lượng tự sản xuất đã tăng lên 15.000đôi/tháng.

❖ Giai đoạn 2 : (2003-2009)

Từ năm 2003 đến 2009 lượng khách hàng đến công ty ngày càng tăng và các điều kiện từ phía khách hàng ngày càng khắt khe hơn. Một lần nữa công ty lại đứng trước thực trạng khó khăn mới, đặc biệt là môi trường, nhà xưởng sản xuất ở giữa khu dân cư chật hẹp, thiết bị máy móc cũ, lượng lao động còn thiếu. Do vậy, ban lãnh đạo, hội đồng thành viên công ty quyết định :

- Xây mới xưởng sản xuất trên diện tích 4.082m² : Xưởng chính 1920m², Nhà để xe ô tô, xe máy, xe đạp 468m², Nhà ăn ca 120m² tại xã Thái Sơn - An Lão - Kiến An - HP.
- Mua dây chuyền sản xuất hiện đại hơn thay thế cho dây chuyền sản xuất cũ, tuyển thêm công nhân để đáp ứng năng suất yêu cầu.
- Nâng cấp hệ thống quản lí toàn công ty bằng cách xây dựng hệ thống quản lí chất lượng, quản lí sản xuất, điều kiện theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001-2008.

Công ty đã nhận được chứng chỉ ISO 9001-2008. Riêng phần xây dựng mới xưởng sản xuất công ty xúc tiến vào đầu quý III/2009 và đã thực hiện xong việc đền bù, giải tỏa mặt bằng. Công ty đang hoàn tất các bước thủ tục xin cấp giấy phép xây dựng của cơ quan chức năng thành phố và tìm nhà thầu phù hợp.

❖ Giai đoạn 3 : (2010 - hiện nay)

Bắt đầu từ tháng 8/2010 , ban giám đốc công ty đã đề ra phương hướng sản xuất kinh doanh là hạ giá thành sản phẩm để tăng tính cạnh tranh bằng cách tuyển thêm 35-40 công nhân, nâng cao sản lượng lên 800-1000 đôi/ ngày so với các vụ trước là 500-600 đôi/ngày để giảm chi phí quản lí chung, tăng doanh thu và lợi nhuận và từng bước hoàn trả các khoản vốn vay đầu tư ban đầu. Đây là biện pháp

tích cực nhất để giảm các chi phí đầu vào, từ đó tăng nguồn vốn tái đầu tư cho phát triển sản xuất của những năm tiếp theo, phân đầu xây dựng, hoàn thiện được nhà xưởng của riêng mình để ổn định sản xuất lâu dài và phát triển bền vững công ty.

Bằng kinh nghiệm, uy tín chất lượng sản phẩm và sự nỗ lực không ngừng của ban lãnh đạo, cán bộ CNV và với chức năng tự sản xuất, tự tiêu thụ, không phụ thuộc vào yếu tố người nước ngoài Công ty TNHH An Phú tự sản xuất mẫu theo mẫu do khách hàng chuyển hoặc tự chế tác các mẫu theo khả năng của mình và theo nhu cầu thực tế của thị trường. Hàng năm thường tham gia hai lần hội chợ quốc tế Châu Âu, qua đó nắm bắt nhu cầu thị trường và kí hợp đồng trực tiếp các đơn hàng với khách hàng. Do vậy các sản phẩm của công ty không phải chịu chi phí trung gian và đáp ứng được các tiêu chí của khách hàng: nhanh, chất lượng và giá thành hợp lí...

Trải qua hơn 10 năm thành lập, công ty đã không ngừng lớn mạnh, tăng trưởng về mọi mặt, thường xuyên xây dựng và hoàn thiện tổ chức, nâng cao năng lực chỉ huy điều hành, đổi mới trang thiết bị, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào quá trình sản xuất kinh doanh, mở rộng địa bàn hoạt động. Tính đến thời điểm này công ty đã khẳng định được uy tín cũng như thương hiệu của mình trên thị trường. Đây là minh chứng cho sự phát triển vững chắc của công ty.

2.1.3 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH An Phú

Hiện nay, công ty có các ngành nghề sản xuất kinh doanh như:

- ❖ Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính : Sản xuất, gia công giày, dép, quần áo, các sản phẩm da, giả da, vải bạt xuất khẩu và tiêu dùng nội địa.
- ❖ Đại lí buôn bán giày, dép, quần áo, các sản phẩm bằng da, giả da và vải các loại.
- ❖ Đại lý mua bán vật tư hàng hóa, thiết bị máy móc phục vụ sản xuất.
- ❖ Đào tạo công nhân may và sửa chữa máy may công nghiệp.
- ❖ Sản xuất, mua bán nguyên vật liệu, máy móc, trang thiết bị phục vụ cho sản xuất bia, nước giải khát; sản xuất kinh doanh bia, nước giải khát.
- ❖ Kinh doanh nhà hàng.

2.1.4 Thuận lợi và khó khăn của công ty TNHH An Phú

2.1.4.1 Thuận lợi

Khi bước vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực giày dép xuất khẩu, công ty TNHH An Phú đã có những thuận lợi:

- Ban giám đốc công ty có năng lực điều hành, quản lý tốt với các phương pháp, đường lối chiến lược công ty. Bên cạnh đó còn có một đội ngũ trợ lý ban giám đốc có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm dày dặn thường xuyên đóng góp ý kiến tham mưu cho giám đốc.

- Toàn thể cán bộ CNV nỗ lực làm việc với nhiệt huyết cao và tinh thần làm việc hăng say cùng chia sẻ, cùng hợp tác.

- Công ty luôn đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất, cải thiện điều kiện làm việc cho công nhân lao động, nâng cấp nhà cửa phục vụ quản lý, cải tạo nhà xưởng, môi trường làm việc.

- Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế mở đã tạo điều kiện thuận lợi để học hỏi khoa học kỹ thuật hiện đại của các nước trên thế giới qua đó dần thay thế sức lao động thủ công của con người bằng máy móc, trang thiết bị hiện đại, không những đảm bảo an toàn lao động cho con người mà còn tạo ra hiệu quả cao hơn.

2.1.4.2 Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi mà công ty có được thì công ty cũng gặp phải không ít những khó khăn:

- Cơ sở vật chất và trang thiết bị : Mặt bằng nhà xưởng chật hẹp, thiết bị của nhà máy vẫn còn thiếu nên không có khả năng nhận những đơn hàng lớn là một thiệt thòi lớn của công ty.

- Các chi phí tăng: giá điện, giá nước, giá xăng... kéo theo sự gia tăng về chi phí đầu vào.

- Hội nhập kinh tế quốc tế cũng là cơ hội nhưng cũng là thách thức đối với công ty. Thị trường sản xuất giày dép có tính cạnh tranh cao, đặc biệt các doanh nghiệp nước ngoài. Công ty sẽ phải chia sẻ thị trường với rất nhiều đối thủ và phải cố gắng nhiều hơn nữa để không bị loại ra khỏi thị trường.

2.1.5 Quy trình công nghệ và quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh

2.1.5.1 Đặc điểm của sản phẩm sản xuất

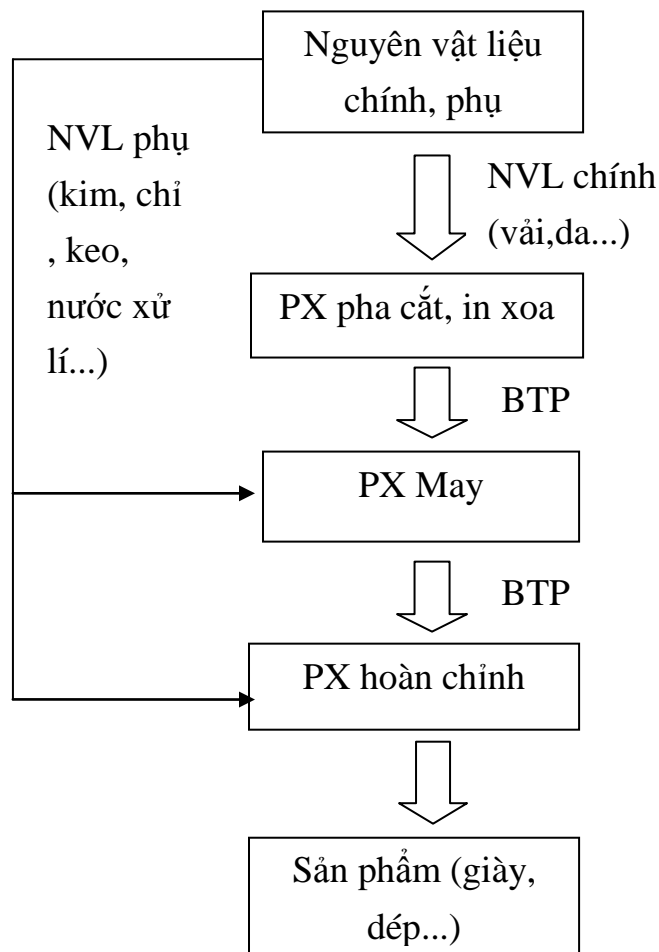
Giày dép là mặt hàng tiêu dùng có nhiều mẫu mã và chủng loại. Vì vậy, mỗi loại giày dép có quy trình sản xuất, công nghệ và giá thành khác nhau.

Giày dép là sản phẩm mang tính thời trang, tùy từng mùa, tùy từng vùng khác nhau, khách hàng sẽ có sở thích từng loại giày dép khác nhau.

Ngày nay, việc ứng dụng công nghệ trong việc sản xuất giày dép rất được xem trọng, vì các doanh nghiệp ngày càng muốn thỏa mãn những yêu cầu về sở thích giày dép của khách hàng và khách hàng cũng ngày càng có những yêu cầu khắt khe hơn cho từng sản phẩm.

Trong những năm qua, ngành giày dép xuất khẩu đã có vai trò quan trọng trong việc nâng cao kim ngạch xuất khẩu Việt Nam, góp phần vào tăng trưởng GDP là một trong những ngành hàng có kim ngạch xuất khẩu dẫn đầu của Việt Nam. Hiện nay, sản phẩm giày dép của Việt Nam đã xuất đi trên hơn 40 quốc gia và vùng lãnh thổ, là một trong những quốc gia có kim ngạch xuất khẩu giày dép hàng đầu thế giới.

2.1.5.2 Quy trình công nghệ và quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh



Sơ đồ quy trình cơ bản sản xuất sản phẩm

❖ **Quy trình pha cắt:**

- Thống kê pha cắt tới kho nguyên liệu để nhận nguyên phụ liệu. Căn cứ vào các yêu cầu trong lệnh sản xuất, phân công cụ thể tới từng tổ sản xuất. Công nhân pha cắt tiến hành chặt theo đúng mã hàng, màu sắc, số lượng.

- Các BTP (bán thành phẩm) phải được nhân viên phụ trách KTCL(kiểm tra chất lượng) kiểm tra.

❖ **Quy trình in xoa:**

- Tổ trưởng in xoa nhận BTP từ các máy chặt hoặc từ phân xưởng may sau đó căn cứ vào lệnh sản xuất để chỉ định khuôn, dưỡng in, màu sắc rồi phân công công việc cho công nhân in xoa. Các BTP sau khi in xong sẽ sắp xếp vào vị trí quy định để chuyển sang công đoạn tiếp theo và phải được kiểm tra chất lượng.

❖ **Quy trình may:**

- Căn cứ kế hoạch, lệnh sản xuất phân xưởng chuẩn bị đầy đủ : nhân lực, máy móc thiết bị... đảm bảo đáp ứng được yêu cầu sản xuất.

- Tổ trưởng lĩnh nguyên phụ liệu sản xuất và BTP, rồi sắp xếp và chia hàng cho từng vị trí trong đường dây để tiến hành may.

- Đối với các mã hàng truyền thống công nhân may tiến hành may bình thường theo đúng công nghệ đã được hướng dẫn cho mã hàng đó.

- Đối với những mã hàng mới công nhân phải được sự hướng dẫn về công nghệ, quy trình may.

- Bán thành phẩm sau khi may xong phải được làm vệ sinh sạch sẽ, sắp xếp vào vị trí quy định để chuyển sang công đoạn tiếp theo.

- Các BTP phải được nhân viên phụ trách KTCL kiểm tra.

❖ **Quy trình hoàn chỉnh:**

- Chuẩn bị : Bán thành phẩm, form, keo, kếp, nước xử lí, nước tẩy rửa, độn, chỉ điều các loại dùng cho đế cao su.

- Lĩnh vật tư, BTP.

- Đánh đế và mài xù.

- Xỏ dây giày.

- Quét nước xử lí, quét keo mũ giày phần chân gò, bìa gò và phom.

- Gò mũi, gò mang, gò hậu.

- Mài chân gò phần mũi, sấy định hình.

- Vạch định vị để chuẩn bị ráp đế, quét nước xử lý phần mối ráp.

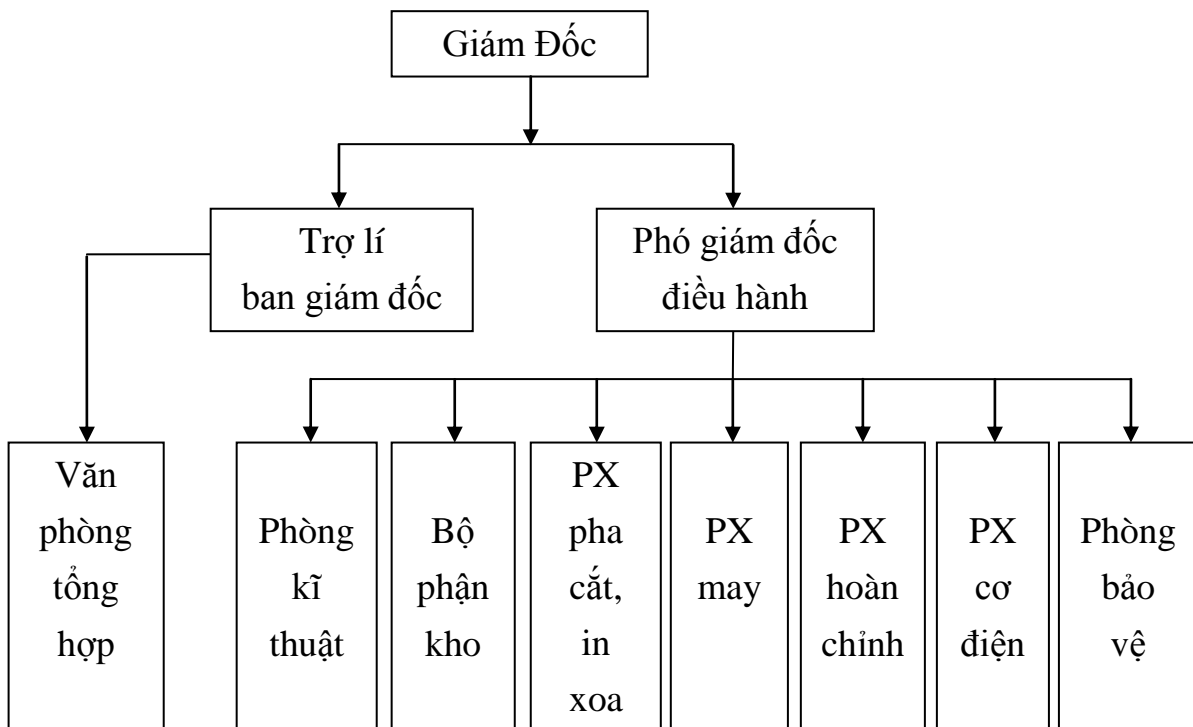
- Quét keo, ráp đế, ép và làm lạnh
- Tháo phom, dán lót mặt, nhồi giấy
- Vệ sinh, tẩy keo, treo tem nhãn
- Kiểm tra, đóng gói

Cuối cùng tổng kiểm tra số lượng bao (thùng) theo đúng phiếu xuất kho.

2.1.6 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ của các phòng ban

2.1.6.1 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh

Sơ đồ tổ chức công ty TNHH An Phú



2.1.6.2 Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban

❖ Giám đốc :

- Là đại diện pháp nhân của công ty, là người đứng đầu công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và các cơ quan hữu quan về bảo toàn và phát triển vốn được giao về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

❖ Phó giám đốc điều hành :

- Trợ giúp Giám đốc điều hành và chịu trách nhiệm chung về quản lý, điều hành Công ty.

- Chịu trách nhiệm kiểm soát: máy móc, thiết bị sản xuất, đo lường, chất lượng sản phẩm, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ.

- Thực hiện các công việc khác khi được Giám đốc phân công, uỷ quyền.

❖ **Trợ lý ban giám đốc :**

- Tư vấn, trợ giúp Phó giám đốc điều hành và quản lý Công ty.

- Giữ gìn bản quyền, bí quyết công nghệ, kiểu dáng mẫu. Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, phát minh, sáng chế, khả năng sáng tạo của mọi thành viên trong Công ty.

- Đào tạo, hướng dẫn CBCNV trong công việc.

- Thực hiện các công việc khác khi được ban giám đốc phân công, uỷ quyền.

❖ **Văn phòng tổng hợp :**

- Chịu trách nhiệm và trợ giúp Ban Giám Đốc về các công tác kế toán tài chính, tổ chức hành chính, xuất nhập khẩu, vật tư và công đoàn của Công ty.

- Quản lý quỹ của Công ty.

❖ **Phòng kĩ thuật :**

- Trợ giúp Giám đốc điều hành các vấn đề liên quan đến Kỹ thuật công nghệ.

- Thiết kế mới và phát triển thiết kế theo mẫu yêu cầu của khách hàng.

- Xây dựng quy trình công nghệ, định mức lao động và vật tư.

- Kiểm tra chất lượng vật tư và sản phẩm.

❖ **Bộ phận kho :**

- Quản lý kho vật tư và kho thành phẩm của Công ty.

- Nhập - xuất vật tư và sản phẩm đảm bảo phục vụ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Quản lý vật tư và sản phẩm đảm bảo không thay đổi về số lượng và chất lượng trong suốt quá trình lưu kho.

❖ **Phân xưởng pha cắt, in xoa :**

- Thực hiện công việc pha cắt và in xoa theo lệnh sản xuất đáp ứng các yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ **Phân xưởng may :**

- Thực hiện công việc may theo lệnh sản xuất đáp ứng các yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ **Phân xưởng hoàn chỉnh :**

- Thực hiện công việc hoàn chỉnh theo lệnh sản xuất đáp ứng các yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ **Phân xưởng cơ điện :**

- Quản lý các vấn đề liên quan đến điện, nước, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị sản xuất của Công ty đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu phục vụ sản xuất.

❖ **Phòng bảo vệ :**

- Phụ trách công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt, vệ sinh công nghiệp, chăm sóc đời sống (*ăn ca*) cho toàn thể CBCNV trong Công ty.

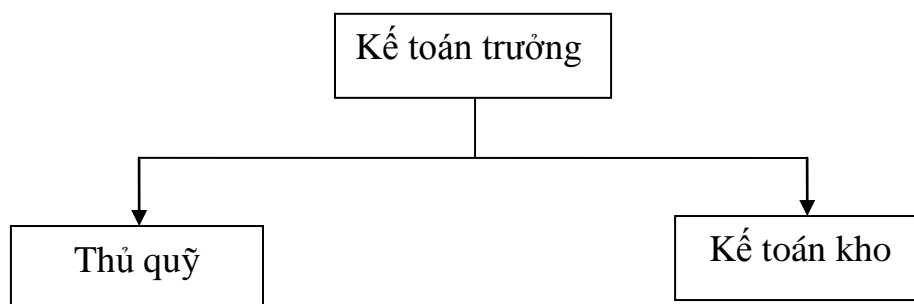
2.1.7 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH An Phú và chức năng, nhiệm vụ của các thành viên trong bộ máy kế toán

2.1.7.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH An phú

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức kinh doanh, công ty tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với tình hình tổ chức công tác kế toán đáp ứng nhu cầu quản lý, điều hành công việc theo hình thức tập trung.

Theo mô hình này, toàn công ty tổ chức một phòng kế toán làm nhiệm vụ tổng hợp và hạch toán chi tiết, lập báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh tế, kiểm tra công tác kế toán toàn công ty.

Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty TNHH An Phú



2.1.7.2 Chức năng, nhiệm vụ của các thành viên trong bộ máy kế toán

❖ **Kế toán trưởng**

- Chịu trách nhiệm về công tác kế toán tài chính, và công đoàn của Công ty.
- Thực hiện lập Báo cáo tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh.

- Thu thập, xử lý, kiểm tra và cung cấp thông tin trung thực, chính xác, kịp thời, đầy đủ về tình hình tài sản - vật tư - tiền vốn trong quá trình hoạt động .

- Chịu trách nhiệm và thực hiện các công việc liên quan đến Công đoàn theo luật định.

- Chịu trách nhiệm quản lý, lưu trữ tài liệu, hồ sơ kế toán theo quy định.

❖ **Thủ quỹ**

- Quản lý quỹ của Công ty, công tác tổ chức hành chính, thực hiện theo dõi các đơn hàng.

- Nhập xuất quỹ phải đảm bảo đầy đủ thủ tục nguyên tắc theo luật kế toán quy định.

- Trích nộp đầy đủ, kịp thời các khoản nộp ngân sách, các quỹ và các khoản nợ khác.

❖ **Kế toán kho**

- Làm công tác thống kê, báo cáo vật tư tại kho.

- Kết hợp cùng với Trưởng kho nhập hàng.

- Kết hợp cùng nhân viên KTCL kiểm tra số lượng, chất lượng thực tế hàng nhập về trước khi nhập kho.

- Lập thẻ kho, cập nhật thẻ kho để kiểm soát lượng nhập - xuất - tồn vật tư thực tế tại kho.

- Thực hiện các công việc khác khi được phân công.

2.1.8 Hình thức kế toán, chế độ và các phương pháp kế toán công ty TNHH An Phú áp dụng

2.1.8.1 Hình thức kế toán áp dụng

Kể từ ngày thành lập cho đến nay, công ty áp dụng hình thức sổ Nhật kí chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật kí chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật kí chung theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản của nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh .

❖ Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm :

- Sổ Nhật kí chung.

- Sổ cái các tài khoản.

- Các sổ kế toán chi tiết.

- Các bảng tổng hợp chi tiết.
- ❖ Hệ thống báo cáo tài chính mà công ty đang sử dụng bao gồm:
 - Bảng cân đối kế toán (mẫu số B01-DN).
 - Báo cáo kết quả kinh doanh (mẫu số B02-DN).
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số B03-DN).
 - Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B09-DN).

2.1.8.2 Chế độ kế toán và các phương pháp kế toán áp dụng

1. Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.
3. Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ/BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.
4. Hình thức sổ kế toán áp dụng: **Sổ nhật kí chung**
5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho
 - Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc được quy định cụ thể cho từng loại vật tư, hàng hoá.
 - Tính giá xuất kho nguyên vật liệu theo phương pháp : Bình quân gia quyền liên hoàn.
 - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.
6. Phương pháp khấu hao TSCĐ: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian sử dụng ước tính theo quyết định 206/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12/12/2003 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính).
7. Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
8. Tính giá thành theo phương pháp giản đơn.
9. Xác định giá trị dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH An Phú

2.2.1 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu

Phương thức bán hàng : qua đơn đặt hàng

Công ty TNHH An Phú chuyên sản xuất giày dép nên sản phẩm sản xuất ra có số lượng lớn và khách hàng đến mua hàng phải có đơn đặt hàng hoặc hợp đồng kinh tế và đến văn phòng của công ty làm thủ tục ban đầu cho việc mua bán. Văn phòng căn cứ vào yêu cầu của khách hàng và tiến hành xuất kho hàng hóa.

Phương thức thanh toán

Tiền hàng được thỏa thuận thống nhất giữa 2 bên, công ty áp dụng theo 3 cách :

- Bán hàng thu tiền ngay thanh toán bằng tiền mặt, áp dụng cho khách hàng mua ít không thường xuyên hay khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay. Phương thức này giúp doanh nghiệp nhanh chóng thu hồi vốn và tránh được tình trạng chiếm dụng vốn.

- Thanh toán chậm : Áp dụng với khách hàng thường xuyên, có uy tín với công ty.

- Thanh toán qua ngân hàng : là việc trích chuyển từ tài khoản người phải trả sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả phí cho ngân hàng.

Tài khoản sử dụng

TK 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Các tài khoản liên quan khác : 3331, 111, 112, 131...

Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT – 3LL)

Hoá đơn GTGT được lập thành 3 liên:

+ Liên 1 (màu tím) : lưu tại phòng tài chính kế toán của công ty.

+ Liên 2 (màu đỏ) : giao cho khách hàng.

+ Liên 3 (màu xanh) : luân chuyển nội bộ.

- Giấy báo có của ngân hàng

- Phiếu thu.

- Các chứng từ khác có liên quan.

Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung.

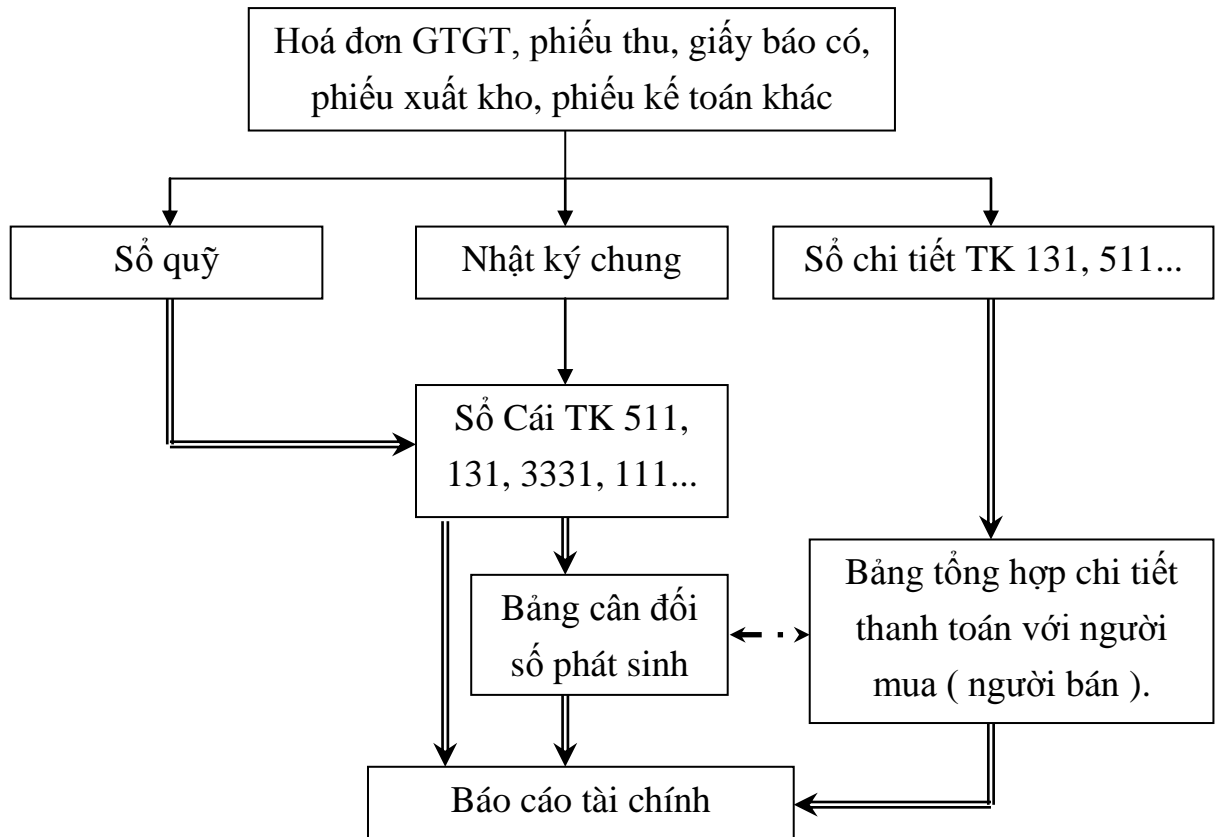
- Sổ cái tài khoản 511, 111, 112, 131, 3331.

- Sổ chi tiết bán hàng.

- Sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán).

- Bảng tổng hợp thanh toán người mua, người bán.
- Sổ quỹ.

Sơ đồ Quy trình hạch toán doanh thu



- Ghi chú:*
- > Ghi hàng ngày.
 - ====> Ghi vào cuối tháng (định kì).
 - <---> Đối chiếu, kiểm tra.

Ví dụ và các sổ sách liên quan (theo trang 49 – 62)

2.2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán giá vốn hàng bán

Đặc điểm kế toán giá vốn hàng bán

- Hạch toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp thẻ song song, tức là ở kho thì thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa về mặt số lượng, còn ở phòng kế toán thì kế toán sử dụng sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá để phản ánh tình hình biến động tăng giảm của vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá và bảng tổng chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá để theo dõi tình hình nhập, xuất tồn trong kỳ.

- Công ty hạch toán giá vốn hàng nhập kho theo trị giá nhập thực tế và hạch toán giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

- Phương pháp tính thuế :

Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ với mức thuế suất 10%.

Thuế GTGT phải nộp được tính theo công thức sau:

Thuế GTGT phải nộp	=	Thuế GTGT còn phải nộp đầu tháng	+	Thuế GTGT đầu ra phải nộp trong kỳ	-	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ
--------------------	---	----------------------------------	---	------------------------------------	---	---------------------------------

Phương pháp tính giá thành phẩm

- Với thành phẩm nhập kho.

+ Từ sản xuất

Giá thực tế thành phẩm nhập kho = Zsx thực tế

+ Từ thuê ngoài gia công chế biến

Giá thực tế thành phẩm nhập kho	=	Zsx thực tế hàng xuất đi gia công	+	Chi phí liên quan đến gia công, chế biến, thuê ngoài khác
---------------------------------	---	-----------------------------------	---	---

- Với thành phẩm xuất kho

Giá thực tế thành phẩm xuất kho được xác định trên cơ sở giá thực tế thành phẩm nhập kho và sử dụng phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

Giá thực tế hàng i xuất kho	=	Lượng thực tế hàng i xuất kho	x	Giá đơn vị bình quân của hàng i
-----------------------------	---	-------------------------------	---	---------------------------------

Giá đơn vị bình quân sau khi nhập	=	$\frac{\text{Giá thực tế HTK sau lần nhập } i}{\text{Lượng thực tế HTK sau lần nhập } i}$	
-----------------------------------	---	---	--

Tài khoản sử dụng

- TK 632 : Giá vốn hàng bán

- TK 155 Thành phẩm

Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT

- Phiếu nhập kho

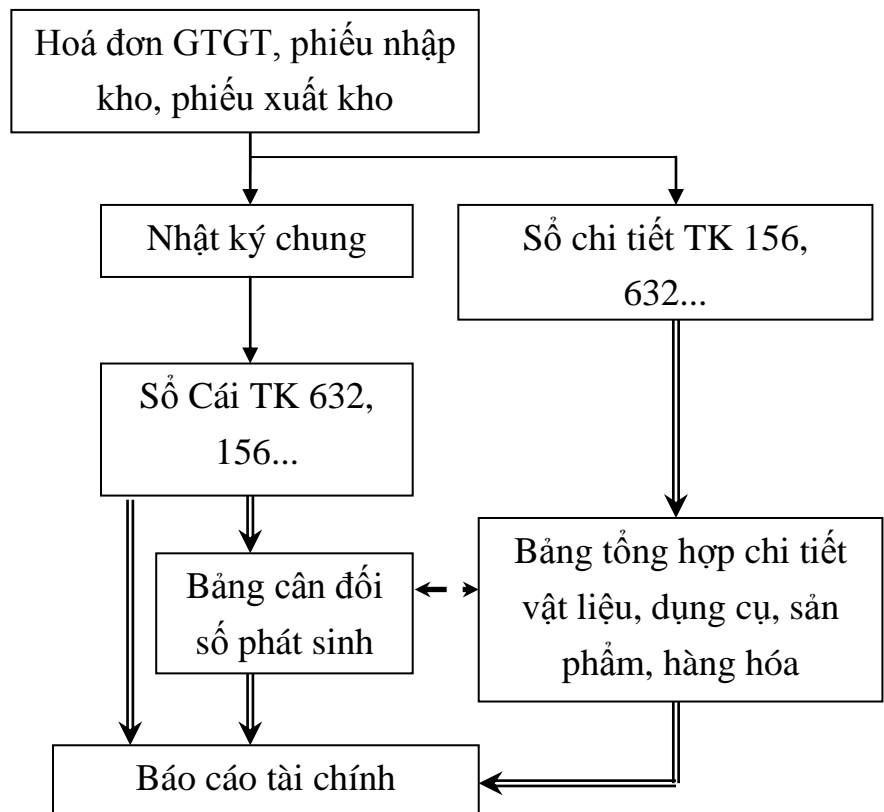
- Phiếu xuất kho

- Các chứng từ khác có liên quan

Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ nhật kí chung.
- Sổ cái TK 632,156.
- Sổ chi tiết giá vốn hàng bán.
- Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.
- Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.
- Thẻ kho.

Sơ đồ Quy trình hạch toán giá vốn



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày.
 - ====> Ghi vào cuối tháng (định kì).
 - ←----> Đối chiếu, kiểm tra.

Ví dụ 1: Nghiệp vụ bán hàng thanh toán bằng chuyển khoản.

Ngày 20 tháng 12 năm 2011 bán giày da cho công ty TNHH ROMANS theo HĐ GTGT 0000943 thanh toán bằng chuyển khoản với số tiền là 83.952.000đ (đã bao gồm thuế GTGT 10 %), giá vốn là 46.660.000 đ.


Kế toán định khoản

1, Nợ TK 632	46.660.000
Có TK 155	46.660.000

2, Nợ TK 112 83.952.000
 Có TK 511 76.320.000
 Có TK 333 7.632.000

Các chứng từ sử dụng :

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT liên 3
- Lệnh chuyển có

	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÚ ĐC : Số 43/282 Đà Nẵng - Vạn Mỹ - Ngô Quyền - Hải Phòng ĐT: 031.3751634 * Fax: 031.3750965				
<h2 style="margin: 0;">PHIẾU XUẤT KHO</h2> <p style="margin: 0;">Số: 864 Ngày 20 tháng 12 năm 2011</p>					
Xuất cho : Công ty TNHH ROMANS.....Đơn vị : Địa chỉ : 29 Đông Khê - Ngô Quyền - Hải Phòng.....					
STT	TÊN VẬT TƯ - MÃ SỐ	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Giày da AQ 01	Đôi	100	180.000	18.000.000
2	Giày da AQ 03	Đôi	108	150.000	16.200.000
3	Giày da AQ 02A	Đôi	34	200.000	6.800.000
4	Giày da AQ 02B	Đôi	10	160.000	1.600.000
5	Giày da AQ 04	Đôi	14	170.000	2.380.000
6	Giày da AQ 05	Đôi	14	120.000	1.680.000
TỔNG CỘNG					46.660.000
Thành tiền (bằng chữ): Bốn mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn.....					
GIÁM ĐỐC	KẾ TOÁN	KẾ HOẠCH	NGƯỜI NHẬN	THỦ KHO	
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	



HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01 GTKT3/001

Kí hiệu :GL/11P

Liên 3: Nội bộ

Số : 0000943

Ngày 20 tháng 12 năm 2011

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÚ.....

Mã số thuế: 0200414248.....

Địa chỉ: 43/282 Đà Nẵng, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền , TP.Hải Phòng.....

Điện thoại :031.3751634.....

Số tài khoản : 00845.00000C - NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng TP Hải Phòng.....

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị:Công ty TNHH ROMANS.....

Mã số thuế :.....0201134003.....

Địa chỉ:..29 Đông Khê - Ngô Quyền - Hải Phòng.....

Hình thức thanh toán:..CK.....Số tài khoản :

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4x5
1	Giày da AQ 01	Đôi	100	260.000	26.000.000
2	Giày da AQ 03	Đôi	108	270.000	29.160.000
3	Giày da AQ 02A	Đôi	34	320.000	10.880.000
4	Giày da AQ 02B	Đôi	10	370.000	3.700.000
5	Giày da AQ 04	Đôi	14	270.000	3.780.000
6	Giày da AQ 05	Đôi	14	200.000	2.800.000
Cộng tiền hàng					76.320.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			7.632.000
Tổng cộng tiền thanh toán					83.952.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Tám mươi ba triệu chín trăm năm mươi hai ngàn đồng chẵn</i>					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)

THANH TOÁN ĐIỆN TỬ LIÊN NGÂN HÀNG

Bản sao

LỆNH CHUYỂN CỐ

Mã KS : PQT 1849

Số bút toán : 00000049

Loại giao dịch : Lệnh chuyển có giá trị thấp

Thời điểm TTXL :

Số giao dịch : 100000189

Ngày, giờ, nhận: 20/12/2011 10:16:32

Ngân hàng gửi: NHTMCP Quan doi Ha noi

Mã NH: 01311001 TK nợ

Ngân hàng nhận: NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng TP Hải Phòng Mã NH: 31309001 TK có

Người phát lệnh : Công ty TNHH ROMAS

Địa chỉ/ số CMND : 29 Đông Khê - Ngô Quyền - Hải Phòng

Tài khoản : 2511101650008 Tại NH : 01311001- NHTMCP Quân Đội Hà Nội

Người nhận lệnh: Công ty TNHH An Phú

Địa chỉ/ Số CMND :

Tài khoản: 00845.00000C Tại NH : 31309001- NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng HP

Mã số thuế :

Chương - Khoản - Tiểu mục:

Nội dung : Thanh toán tiền mua giày da

Số tiền bằng số : 83.952.000 đ

Số tiền bằng chữ : Tám mươi ba triệu chín trăm năm mươi hai ngàn đồng chẵn.

KẾ TOÁN

KIỂM SOÁT

CHỦ TÀI KHOẢN

Ví dụ 2 : Nghiệp vụ bán hàng chưa thanh toán

Ngày 20 tháng 12 năm 2011 bán giày da, dép da, túi may vải PVC cho Công ty TNHH Bình Én theo HĐ GTGT 0000944 chưa thanh toán với số tiền là 60.847.600 đ (đã bao gồm thuế GTGT 10%), giá vốn là 39.141.000 đ.

Kế toán định khoản

1, Nợ TK 632	39.141.000
Có TK 155	39.141.000
2, Nợ TK 112	60.847.600
Có TK 511	55.316.000
Có TK 333	5.531.600

Các chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT liên 3



CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÚ

ĐC : Số 43/282 Đà Nẵng - Vạn Mỹ - Ngô Quyền - Hải Phòng

ĐT: 031.3751634 * Fax: 031.3750965

PHIẾU XUẤT KHO

Số: 865 Ngày 20 tháng 12 năm 2011

Xuất cho : Công ty TNHH BÌNH ÉN.....Đơn vị :.....

Địa chỉ : Cẩm Trung - Cẩm Phả - Quảng Ninh.....

STT	TÊN VẬT TƯ - MÃ SỐ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Giày puma	Đôi	03	305.000	915.000
2	Túi đựng may vải PVC	Đôi	100	50.000	5.000.000
3	Giày da nữ	Đôi	39	250.000	9.750.000
4	Giày da nam	Đôi	39	386.000	15.054.000
5	Giày chống trơn	Đôi	16	409.000	6.544.000
6	Dép da	Đôi	06	98.000	588.000
7	Giày da	Đôi	06	105.000	630.000
8	Giày da BV	Đôi	04	165.000	660.000
	TỔNG CỘNG				39.141.000

Thành tiền (bằng chữ): Ba mươi chín triệu một trăm bốn mươi một ngàn đồng.....

GIÁM ĐỐC

(ký, họ tên)

KẾ TOÁN

(ký, họ tên)

KẾ HOẠCH

(ký, họ tên)

NGƯỜI NHẬN

(ký, họ tên)

THỦ KHO

(ký, họ tên)



HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01 GTKT3/001

Kí hiệu :GL/11P

Liên 3: Nội bộ

Số : 0000944

Ngày 20 tháng 12 năm 2011

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÚ.....

Mã số thuế: 0200414248.....

Địa chỉ: 43/282 Đà Nẵng, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền , TP.Hải Phòng.....

Điện thoại.:031.3751634.....

Số tài khoản : 00845.00000C - NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng TP Hải Phòng.....

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị:Công ty TNHH Bình Ấn.....

Mã số thuế :.....5700505397.....

Địa chỉ:...Cẩm Trung - Cẩm Phả - Quảng Ninh.....

Hình thức thanh toán:.....Số tài khoản :.....

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4x5
1	Giày puma	Đôi	03	428.000	1.284.000
2	Túi đựng may vải PVC	Đôi	100	99.000	9.900.000
3	Giày da nữ	Đôi	39	338.000	13.182.000
4	Giày da nam	Đôi	39	468.000	18.252.000
5	Giày chống trơn	Đôi	16	568.000	9.088.000
6	Dép da	Đôi	06	194.000	1.164.000
7	Giày da	Đôi	06	209.000	1.254.000
8	Giày da BV	Đôi	04	298.000	1.192.000
Cộng tiền hàng					55.316.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			5.531.600
Tổng cộng tiền thanh toán					60.847.600
Số tiền viết bằng chữ: Sáu mươi triệu tám trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm đồng.....					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)

Ghi số 2 nghiệp vụ

- Biểu số 1 : Trích Sổ nhật kí chung.
- Biểu số 2 : Trích Sổ cái TK 511.
- Biểu số 3 : Trích Sổ chi tiết bán hàng.
- Biểu số 4 : Trích Sổ cái TK 632.
- Biểu số 5 : Trích Sổ chi tiết giá vốn hàng bán.

BIỂU SỐ 01 : TRÍCH SỔ NHẬT KÍ CHUNG

CÔNG TY TNHH AN PHÚ

Số :43/282 Đà Nẵng– Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT dòng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
.....
30/11	SP21; GBC 21	30/11	Lãi tiền gửi ngân hàng ASIA tháng 11/2011 được hưởng			112	515	398.000	398.000
.....
20/12	PXK 864; HĐGTGT 0000943; LCC49	20/12	Bán giày cho công ty TNHH ROMANS thanh toán bằng chuyển khoản	✓		632 112	155 511 3331	46.660.000 83.952.000	46.660.000 76.320.000 7.632.000
20/12	PXK 865; HĐGTGT 0000944	20/12	Bán túi ,giày da, dép da cho công ty TNHH Bình Ấn chưa thanh toán	✓		632 131	155 511 3331	39.141.000 60.847.600	39.141.000 55.316.000 5.531.600
20/12	HĐGTGT 0013020; PC958	20/12	chi tiền mặt mua USB Kingston 8G			642 133	111	409.091 40.909	450.000
21/12	HĐGTGT 0082400; PC959	21/12	Chi tiền mặt đổ mực máy photô copy			642 133	111	1.500.000 150.000	1.650.000
....

25/12	PC 965	25/12	Trả lãi tiền vay huy động vốn bà Mai			635	111	3.001.000	3.001.000
..
31/12	PKT04	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần			511	911	5.358.097.081	5.358.097.081
31/12	PKT05	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán			911	632	4.456.995.755	4.456.995.755
31/12	PKT06	31/12	Kết chuyển chi phí quản lí doanh nghiệp			911	642	413.754.520	413.754.520
31/12	PKT07	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			515	911	9.172.860	9.172.860
31/12	PKT08	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính			911	635	125.857.172	125.857.172
31/12	PKT09	31/12	Xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp			821	3334	92.665.624	92.665.624
31/12	PKT10	31/12	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			911	821	92.665.624	92.665.624
31/12	PKT11	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế			911	421	277.996.870	277.996.870
....
			Cộng chuyển sang trang sau						
			Cộng lũy kế						

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

BIỂU SỐ 2 : TRÍCH SỔ CÁI TK 511

CÔNG TY TNHH AN PHÚ

Số :43/282 Đà Nẵng– Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

(dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2011

Tên tài khoản : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu : 511

Đơn vị tính : đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			SPS trong kỳ					
....
20/12	HĐGTGT 0000943; LCC49	20/12	Bán giày cho công ty TNHH ROMANS thanh toán bằng chuyển khoản			112		76.320.000
20/12	HĐGTGT 0000944	20/12	Bán túi ,giày ,dép da cho công ty TNHH Bình Ấn chưa thanh toán			131		60.847.600
21/12	HĐGTGT 0000945	21/12	Bán giày cho cửa hàng Phụng Ngân chưa thanh toán			131		54.638.000
24/12	HĐGTGT 0000948; PT958	24/12	Bán túi vải cho cửa hàng Quảng Châu đã thanh toán bằng tiền mặt			111		16.250.000
...
31/12	PKT 40	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần			911	5.358.097.081	
			Cộng SPS trong kỳ				5.358.097.081	5.358.097.081
			Số dư cuối kỳ					

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

BIỂU SỐ 3 : TRÍCH SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG.

CÔNG TY TNHH AN PHÚ

Số :43/282 Đà Nẵng– Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S35-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư) : Giày dép, túi xách da.

Năm 2011

Đơn vị tính : đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521,531,532)
...			
20/12	HĐGTGT 0000943; LCC49	20/12	Bán giày cho công ty TNHH ROMANS thanh toán bằng chuyển khoản - Giày da AQ 01 - Giày da AQ 03 - Giày da AQ 02A - Giày da AQ 02B - Giày da AQ 04 - Giày da AQ 05	112 112 112 112 112 112	100 108 34 10 14 14	260.000 270.000 320.000 370.000 270.000 200.000	26.000.000 29.160.000 10.880.000 3.700.000 3.780.000 2.800.000		
20/12	HĐGTGT 0000944	20/12	Bán túi, giày, dép da cho công ty TNHH Bình Ёn chưa thanh toán						

			- Giày puma	131	3	428.000	1.284.000		
			- Túi may vải PVC	131	100	99.000	9.900.000		
			- Giày da nữ	131	39	338.000	13.182.000		
			- Giày da nam	131	39	468.000	18.252.000		
			- Giày chống trơn	131	16	568.000	9.088.000		
			- Dép da	131	06	194.000	1.164.000		
			- Giày da	131	06	209.000	1.254.000		
			- Giày da BV	131	04	298.000	1.192.000		
21/12	HĐGTGT 0000945	21/12	Bán giày cho cửa hàng Phụng Ngân chưa thanh toán						
			- Giày da nữ	131	45	338.000	15.210.000		
			- Giày da nam	131	50	468.000	23.400.000		
			- Giày puma	131	10	428.000	4.280.000		
			- Giày bảo vệ	131	50	174.660	8.733.000		
			- Dép da	131	10	194.000	1.940.000		
			- Túi da	131	05	215.000	1.075.000		
....
			Doanh thu thuần				5.358.097.081		
			Giá vốn hàng bán				4.456.995.755		
			Lãi gộp				901.101.326		

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

BIỂU SỐ 4 : TRÍCH SỔ CÁI TK 632

CÔNG TY TNHH AN PHÚ

Số :43/282 Đà Nẵng– Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

(dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2011

Tên tài khoản : Giá vốn hàng bán

Số hiệu : 632

Đơn vị tính : đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TKĐU'	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kì					
			SPS trong kì					
....
20/12	PXK 864	20/12	Bán giày cho công ty TNHH ROMANS thanh toán bằng chuyển khoản			155	46.660.000	
20/12	PXK 865	20/12	Bán túi ,giày, dép da cho công ty TNHH Bình Ấn chưa thanh toán			155	39.141.000	
21/12	PXK 866	21/12	Bán giày cho cửa hàng Phụng Ngân chưa thanh toán			155	34.598.000	
24/12	PXK 869	24/12	Bán túi vải cho cửa hàng Quảng Châu đã thanh toán bằng tiền mặt			155	7.981.000	
...
31/12	PKT 40	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán			911		4.456.995.755
			Cộng SPS trong kì				4.456.995.755	4.456.995.755
			Số dư cuối kì					

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

BIỂU SỐ 5 : TRÍCH SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN.

CÔNG TY TNHH AN PHÚ

Số :43/282 Đà Nẵng– Ngô Quyền- Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

TK : 632

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư) : Giày dép, túi xách da.

Năm 2011

Đơn vị tính : đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Giá vốn hàng bán			
	Số hiệu	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			SPS trong kỳ					
....
20/12	PXK 864	20/12	Bán giày cho công ty TNHH ROMANS thanh toán bằng chuyển khoản					
			- Giày da AQ 01	155	100	180.000	18.000.000	
			- Giày da AQ 03	155	108	150.000	16.200.000	
			- Giày da AQ 02A	155	34	200.000	6.800.000	
			- Giày da AQ 02B	155	10	160.000	1.600.000	
			- Giày da AQ 04	155	14	170.000	2.380.000	
- Giày da AQ 05	155	14	120.000	1.680.000				

20/12	PXK 865	20/12	Bán túi, giày, dép da cho công ty TNHH Bình Yến chưa thanh toán					
			- Giày puma	155	3	305.000	915.000	
			- Túi may vải PVC	155	100	50.000	5.000.000	
			- Giày da nữ	155	39	250.000	9.750.000	
			- Giày da nam	155	39	386.000	15.054.000	
			- Giày chống trơn	155	16	409.000	6.544.000	
			- Dép da	155	06	98.000	588.000	
			- Giày da	155	06	105.000	630.000	
			- Giày da BV	155	04	165.000	660.000	
21/12	PXK 866	21/12	Bán giày cho cửa hàng Phương Ngân chưa thanh toán					
			- Giày da nữ	155	45	250.000	11.250.000	
			- Giày da nam	155	50	386.000	19.300.000	
			- Giày puma	155	10	305.000	3.050.000	
			- Giày bảo vệ	155	50	165.000	8.250.000	
			- Dép da	155	10	98.000	980.000	
			- Túi da	155	05	50.000	250.000	
...	
31/12	PKT 40	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911				4.456.995.755
			Cộng SPS trong kì				4.456.995.755	4.456.995.755
			Số dư cuối kì					

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.3 Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí quản lí doanh nghiệp

Đặc điểm kế toán chi phí quản lí doanh nghiệp

Chi phí quản lí doanh nghiệp gồm các chi phí liên quan đến quản lí kinh doanh như: chi phí lương nhân viên văn phòng, văn phòng phẩm, khấu hao TSCĐ, điện nước điện thoại phục vụ cho hoạt động quản lí, các chi phí bằng tiền khác...

Tài khoản sử dụng

TK 642 : Chi phí quản lí doanh nghiệp

Các tài khoản liên quan khác : 111,112,133.....

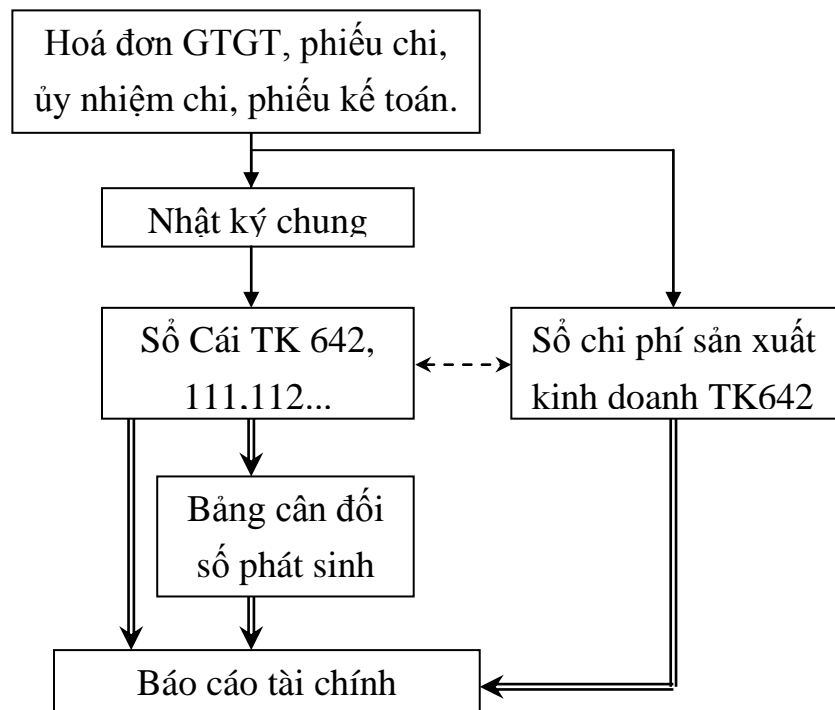
Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Ủy nhiệm chi
- Hóa đơn GTGT liên 2

Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ nhật kí chung.
- Sổ cái TK 642.
- Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.

Quy trình hạch toán chi phí quản lí doanh nghiệp



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày.
 - ====> Ghi vào cuối tháng (định kì).
 - <---> Đối chiếu, kiểm tra

Ví dụ 3 : Nghiệp vụ mua văn phòng phẩm


Ngày 20/12/2011 chi tiền mặt mua USB Kington 8G, tổng số tiền thanh toán 450.000 đ (đã bao gồm thuế GTGT 10%)

Kế toán định khoản

Nợ TK 642	409.091
Nợ TK 133	40.909
Có TK 111	450.000

Các chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT liên 2
- Phiếu chi



PHIẾU CHI Quyền số: 10 Mẫu số : 02 - TT

Số:958..... Theo QĐ số 15/2006-QĐ-BTC

CÔNG TY TNHH AN PHÚ Ngày 20 tháng 12 năm 2011 NỢ: ngày 20/03/2006

Số 43/282 Đà Nẵng-NQ-HP CÓ: Của Bộ trưởng BTC

ĐT: 031.3751634 - Fax: 031.3750965

Họ, tên người nhận tiền : Đỗ Thị Thu Minh.....

Địa chỉ.....: Văn phòng công ty.....

Lí do chi.....: Mua usb kington 8G.....

Số tiền:450.000.....(Viết bằng chữ) Bốn trăm năm mươi ngàn đồng chẵn.....

.....

Kèm theo.....01 Chứng từ gốc.....

Ngày 20 tháng 12 năm 2011

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(ký, họ tên, đóng dấu)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) :

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý)

+ Số tiền quy đổi.....

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Kí hiệu :AA/11P			
Liên 2: Giao khách hàng		Số : 0013020			
Ngày 20 tháng 12 năm 2011					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÒA DUNG.....					
Mã số thuế:0200533201.....					
Địa chỉ:Tân Dương, Thủy Nguyên , TP.Hải Phòng.....					
Điện thoại:.....					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÚ.....					
Mã số thuế: 0200414248.....					
Địa chỉ: 43/282 Đà Nẵng, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền , TP.Hải Phòng.....					
Hình thức thanh toán:..TM.....Số tài khoản :.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4x5
1	USB Kingston 8g	Cái	1	409.091	409.091
	/				
Cộng tiền hàng					409.091
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		40.909
Tổng cộng tiền thanh toán					450.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn trăm năm mươi ngàn đồng chẵn</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)					

Ví dụ 4 : Nghiệp vụ chi cho văn phòng phẩm


Ngày 21/12/2011 Công ty thanh toán tiền đồ mực máy photô copy cho Công ty TNHH Hà Hoa với tổng số tiền cả thuế là 1.650.000 đ, kế toán ghi phiếu chi số 959 .

Kế toán định khoản :

Nợ TK 642	1.500.000
Nợ TK 133	150.000
Có TK 111	1.650.000

Các chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- HDGTGT liên 2

	<h2 style="margin: 0;">PHIẾU CHI</h2>	Quyển số: 10 Mẫu số : 02 - TT		
CÔNG TY TNHH AN PHÚ Ngày 21 tháng 12 năm 2011		Số:959..... Theo QĐ số 15/2006-QĐ-BTC		
Số 43/282 Đà Nẵng-NQ-HP		ngày 20/03/2006		
ĐT: 031.3751634 - Fax: 031.3750965		Của Bộ trưởng BTC		
Họ, tên người nhận tiền : Nguyễn Thị Thu Trang.....				
Địa chỉ.....: Văn phòng công ty.....				
Lí do chi.....: Thanh toán tiền chi đồ mực máy in.....				
Số tiền:1.650.000.....(Viết bằng chữ) Một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng chẵn.....				
Kèm theo.....01..... Chứng từ gốc.....				
Ngày 21 tháng 12 năm 2011				
Giám đốc (ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Người lập (ký, họ tên)	Người nhận tiền (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) :.....				
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....				
+ Số tiền quy đổi.....				

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Kí hiệu : AA/11P			
Liên 2: Giao khách hàng		Số : 0082400			
Ngày 21 tháng 12 năm 2011					
Đơn vị bán hàng:.....					
Địa chỉ:.....		CÔNG TY TNHH HÀ HOA			
Số tài khoản:.....		15 Hoàng Văn Thụ -Hải Phòng			
Điện thoại:..... MS:		MST: 020040701			
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÚ.....					
Mã số thuế: 0200414248.....					
Địa chỉ: 43/282 Đà Nẵng, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền , TP.Hải Phòng.....					
Hình thức thanh toán:.....TM.....					
STT	Tên hàng hoá , dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Mực X 256	h			1.500.000
Cộng tiền hàng:					1.500.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		150.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.650.000
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

Ghi số 02 nghiệp vụ

- Biểu số 6 : Trích Sổ nhật kí chung
- Biểu số 7 : Trích sổ cái TK 642
- Biểu số 8 : Trích sổ chi phí sản xuất kinh doanh

BIỂU SỐ 06 : TRÍCH SỔ NHẬT KÍ CHUNG

CÔNG TY TNHH AN PHÚ

Số :43/282 Đà Nẵng– Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT đồng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
....
20/12	HĐGTGT 0013020; PC958	20/12	chi tiền mặt mua USB Kingston 8G	✓		642 133	111	409.091 40.909	450.000
21/12	HĐGTGT 0082400; PC959	21/12	Chi tiền mặt đổ mực máy photô copy	✓		642 133	111	1.500.000 150.000	1.650.000
....
31/12	PKT04	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần			511	911	5.358.097.081	5.358.097.081
31/12	PKT05	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán			911	632	4.456.995.755	4.456.995.755
31/12	PKT06	31/12	Kết chuyển chi phí quản lí doanh nghiệp			911	642	413.754.520	413.754.520
31/12	PKT07	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			515	911	9.172.860	9.172.860
31/12	PKT08	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính			911	635	125.857.172	125.857.172
31/12	PKT09	31/12	Xác định chi phí thuế TNDN phải nộp			821	3334	92.665.624	92.665.624
31/12	PKT10	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN			911	821	92.665.624	92.665.624
31/12	PKT11	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế			911	421	277.996.870	277.996.870
....
			Cộng chuyển sang trang sau						
			Cộng lũy kế						

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

BIỂU SỐ 7 : TRÍCH SỔ CÁI TK 642

CÔNG TY TNHH AN PHÚ

Số :43/282 Đà Nẵng– Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

(dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2011

Tên tài khoản : Chi phí quản lí doanh nghiệp

Số hiệu : 642

Đơn vị tính : đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kì					
			SPS trong kì					
....
15/12	PC946	15/12	Chi lương tháng 11/2011 cho nhân viên văn phòng			111	18.489.000	
19/12	HĐGTGT 0572895 PC956	19/12	Tiền điện tháng 11/2011 phân bổ cho bộ phận quản lí			111	468.000	
20/12	HĐGTGT 0780798 PC957	20/12	Tiền nước tháng 11/2011 phân bổ cho bộ phận quản lí			111	300.000	
20/12	HĐGTGT 0013020; PC958	20/12	chi tiền mặt mua USB Kingston 8G			111	409.091	
21/12	HĐGTGT 0082400; PC959	21/12	Chi tiền mặt đổ mực máy photô			111	1.500.000	
31/12	BPB214	31/12	Trích khấu hao TSCĐ BPQL			214	14.978.484	
31/12	BPB242	31/12	Chi phí chờ phân bổ cho BPQL			242	2.684.078	
31/12	PKT 40	31/12	Kết chuyển CPQLDN			911	413.754.520	
			Cộng SPS trong kì				413.754.520	413.754.520
			Số dư cuối kì					

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

BIỂU SỐ 8 : TRÍCH SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH.

CÔNG TY TNHH AN PHÚ

Số :43/282 Đà Nẵng– Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S36-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Dùng cho các TK 621,622,623,627,154,631,641,642,142,242,335,632

Tài khoản : Chi phí quản lí doanh nghiệp

Tên sản phẩm, dịch vụ.....

Tên phân xưởng.....

Năm 2011

Đơn vị tính : đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Tổng số tiền		Chia ra				
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	Lương	Đồ dùng, dụng cụ	Khấu hao	Dịch vụ	Khác
			Số dư đầu kì								
....
15/12	PC946	15/12	Chi lương tháng 11/2011 cho nhân viên văn phòng	111	18.489.000		18.489.000				
19/12	HĐGTGT 0572895 PC956	19/12	Tiền điện tháng 11/2011 phân bổ cho bộ phận quản lí	111	468.000					468.000	

20/12	HDGTGT 0780798 PC957	20/12	Tiền nước tháng 11/2011 phân bổ cho bộ phận quản lí	111	300.000					300.000	
20/12	HDGTGT 0013020; PC958	20/12	chi tiền mặt mua USB Kington 8G	111	409.091			409.091			
21/12	HDGTGT 0082400; PC959	21/12	Chi tiền mặt đổ mực máy photô copy	111	1.500.000			1.500.000			
31/12	BPB214	31/12	Trích khấu hao TSCĐ dùng cho văn phòng	214	14.978.484				14.978.484		
31/12	BPB242	31/12	Chi phí chờ phân bổ cho bộ phận quản lí	242				2.684.078			
31/12	PKT 40	31/12	Kết chuyển CPQLDN	911		413.754.520					
			Cộng SPS trong kì		413.754.520	413.754.520	200.894.834	20.187.963	172.084.189	15.879.184	4.708.350
			Số dư cuối kì								

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.4. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Đặc điểm kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong năm của công ty là những khoản thu về lãi tiền gửi ngân hàng .

Tài khoản sử dụng

TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính

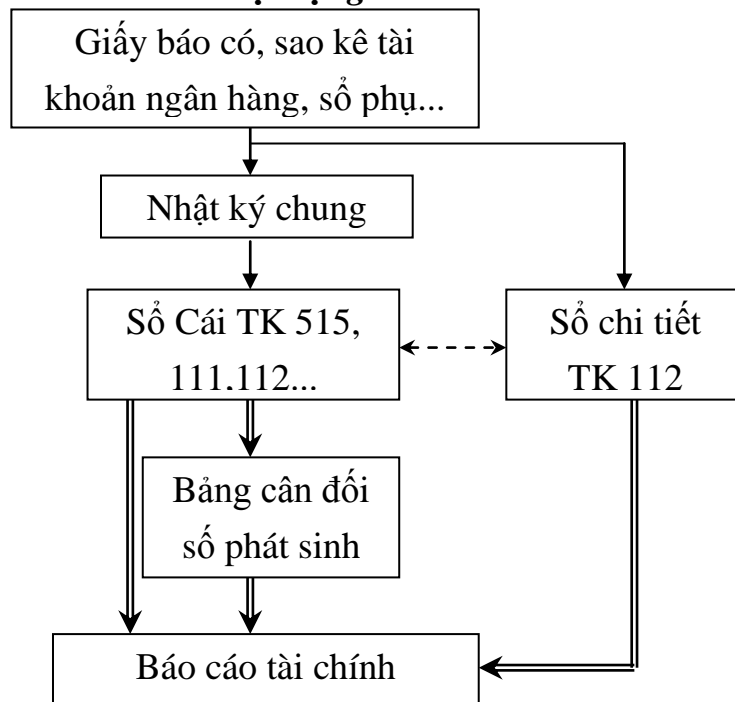
Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có của ngân hàng
- Sổ phụ, Sao kê tài khoản

Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ nhật kí chung
- Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng
- Sổ cái TK 515,112....

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày.
- ⇒ Ghi vào cuối tháng (định kì).
- ← - - - → Đối chiếu, kiểm tra.

Ví dụ 6 : Lãi tiền gửi ngân hàng Á Châu tháng 11/2011

Ngày 30/11 nhận được sổ phụ và giấy báo có của ngân hàng thương mại Á châu về lãi tiền gửi được hưởng tháng 11/2011 là 398.000đ.

Kế toán định khoản :

Nợ TK 112 398.000
 Có TK 515 398.000

Chứng từ kế toán sử dụng

- Sổ phụ
- Giấy báo có

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU		
ASIA COMMERCIAL BANK		
SỔ PHỤ VND		Số : 21
Ngày 30/11/2011		
Tài khoản : 1053507		
CÔNG TY TNHH AN PHÚ		
DIỄN GIẢI	GHI NỢ	GHI CÓ
Số dư đầu ngày		120.515.000
## LÃI NHẬP TIỀN GỬI ##		398.000
Tổng phát sinh ngày	0	398.000
Số dư cuối ngày		120.913.000
SỔ PHỤ		KIỂM SOÁT

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU		Mã GDV : BATCH
ASIA COMMERCIAL BANK		Mã KH: 10366
GIẤY BÁO CÓ		Số : 21
Ngày 30/11/2011		Số GD : 0
Kính gửi : CÔNG TY TNHH AN PHÚ		
Hôm nay, chúng tôi xin báo CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau :		
Số tài khoản ghi CÓ : 1053507		
Số tiền bằng số	: 398.000	
Số tiền bằng chữ	: Ba trăm chín mươi tám ngàn VNĐ	
Nội dung : ## LÃI NHẬP GỐC ##		
GIAO DỊCH VIÊN		KIỂM SOÁT

Ghi sổ nghiệp vụ trên

- Biểu số 09 : Trích sổ Nhật kí chung
- Biểu số 10 : Trích sổ cái TK 515

BIỂU SỐ 09 : TRÍCH SỔ NHẬT KÍ CHUNG

CÔNG TY TNHH AN PHÚ

Số :43/282 Đà Nẵng– Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT đồng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
.....
30/11	SP 21; GBC 21	30/11	Lãi tiền gửi ngân hàng ASIA tháng 11/2011	✓		112	515	398.000	398.000
.....
20/12	PXK 864; HĐGTGT 0000943; LCC	20/12	Bán giày cho công ty TNHH ROMANS thanh toán bằng chuyển khoản			632 112	155 511 3331	46.660.000 83.952.000	46.660.000 76.320.000 7.632.000
20/12	PXK 865; HĐGTGT 0000944	20/12	Bán túi , giày da, dép da cho công ty TNHH Bình Ân chưa thanh toán			632 131	155 511 3331	39.141.000 60.847.600	39.141.000 55.316.000 5.531.600
20/12	HĐGTGT 0013020; PC958	20/12	chi tiền mặt mua USB Kington 8G			642 133	111	409.091 40.909	450.000
21/12	HĐGTGT 0082400; PC959	21/12	Chi tiền mặt đổ mực máy photô copy			642 133	111	1.500.000 150.000	1.650.000
....
25/12	PC 965	25/12	Trả lãi tiền vay huy động vốn bà Mai			635	111	3.001.000	3.001.000
..

31/12	PKT 40	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC			515	911	9.172.860	9.172.860
			Cộng chuyển sang trang sau						
			Cộng lũy kế						

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

BIỂU SỐ 10 : TRÍCH SỔ CÁI TK 515

CÔNG TY TNHH AN PHÚ

Số :43/282 Đà Nẵng– Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

(dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2011

Tên tài khoản : Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu : 515

Đơn vị tính : đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			SPS trong kỳ					
...
30/5	SP 9; GBC 9	30/5	Lãi tiền gửi ngân hàng ASIA tháng 5/2011			112		598.000
30/05	SP 10; GBC 10	30/05	Lãi tiền gửi ngân hàng VPBank tháng 05/2011			112		1.791.000
..
30/11	SP 21; GBC 21	30/11	Lãi tiền gửi ngân hàng ASIA tháng 11/2011			112		398.000
....
31/12	PKT 40	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC			911	9.172.860	
			Cộng SPS trong kỳ				9.172.860	9.172.860
			Số dư cuối kỳ					

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.5 Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí tài chính

Đặc điểm kế toán chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm của công ty là những khoản chi phí lãi vay.

Tài khoản sử dụng

TK 635 : Chi phí tài chính

TK 111 : Tiền mặt

Chứng từ sử dụng

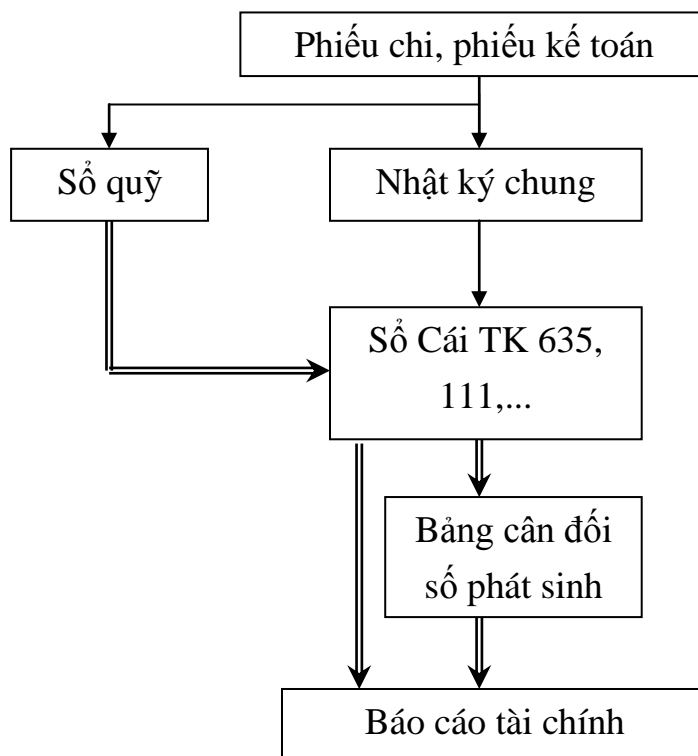
- Phiếu chi

Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ nhật kí chung

- Sổ cái TK 635

Quy trình hạch toán chi phí tài chính



Ghi chú:

————> Ghi hàng ngày.

====> Ghi vào cuối tháng (định kì).

Ví dụ 7 : Nghiệp vụ trả lãi vay huy động vốn

Ngày 25/12/2011 Công ty trả lãi số tiền vay 430.000.000đ huy động vốn của Bà Nguyễn Thị Mai với lãi suất 8,4%/ năm tương đương với 0.7%/tháng với số tiền là: 3.001.000 đồng.


Kế toán định khoản

Nợ TK 635 3.001.000

Có TK 111 3.001.000

Chứng từ kế toán

- Phiếu chi

	<h2 style="margin: 0;">PHIẾU CHI</h2>	Quyền số: 10 Mẫu số : 02 - TT
		Số:965..... Theo QĐ số 15/2006-QĐ-BTC
CÔNG TY TNHH AN PHÚ Ngày 25 tháng 12 năm 2011		NỘI: ngày 20/03/2006
Số 43/282 Đà Nẵng-NQ-HP		CÓ: Của Bộ trưởng BTC
ĐT: 031.3751634 - Fax: 031.3750965		
Họ, tên người nhận tiền : Nguyễn Thị Mai.....		
Địa chỉ.....: Văn phòng.....		
Lí do chi.....: Trả tiền lãi vay huy động vốn.....		
Số tiền:3.001.000.....(Viết bằng chữ) Ba triệu không trăm linh một ngàn đồng.....		
.....		
Kèm theo..... Chứng từ gốc.....		
Ngày 25 tháng 12 năm 2011		
Giám đốc (ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Người lập (ký, họ tên)
		Người nhận tiền (ký, họ tên)
		Thủ quỹ (ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) :.....		
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....		
+ Số tiền quy đổi.....		

Ghi sổ nghiệp vụ trên.

- Biểu số 11 : Trích sổ Nhật ký chung
- Biểu số 12 : Trích sổ cái TK 635

BIỂU SỐ 11: TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

CÔNG TY TNHH AN PHÚ

Số :43/282 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT đồng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
....
30/11	SP21; GBC21	30/11	Lãi tiền gửi ngân hàng ASIA tháng 11/2011			112	515	398.000	398.000
.....
20/12	PXK 865; HĐGTGT 0000944	20/12	Bán túi ,giày da, dép da cho công ty TNHH Bình Ân chưa thanh toán			632	155	39.141.000	39.141.000
						131	511 3331	60.847.600	55.316.000 5.531.600
20/12	HĐGTGT 0013020; PC958	20/12	chi tiền mặt mua USB Kington 8G			642	111	409.091	450.000
						133		40.909	
21/12	HĐGTGT 0082400; PC959	21/12	Chi tiền mặt đồ mực máy photô copy			642	111	1.500.000	1.650.000
						133		150.000	
....
25/12	PC 965	25/12	Trả lãi tiền vay huy động vốn bà Mai	✓		635	111	3.001.000	3.001.000
..
			Cộng chuyển sang trang sau						
			Cộng lũy kế						

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

BIỂU SỐ 12 : TRÍCH SỔ CÁI TK 635

CÔNG TY TNHH AN PHÚ

Số :43/282 Đà Nẵng– Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

(dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2011

Tên tài khoản : Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu : 635

Đơn vị tính : đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			SPS trong kỳ					
...
25/04	UNC 48	25/04	Trả tiền lãi vay ngân hàng công thương			112	15.000.000	
12/05	PC 684	12/12	Trả lãi tiền vay huy động vốn ông Hùng			111	9.000.000	
25/05	PC 715	25/05	Trả lãi tiền vay huy động vốn bà Ngân			111	6.000.000	
...
12/12	PC 947	12/12	Trả lãi tiền vay huy động vốn ông An			111	4.500.000	
25/12	PC 965	25/12	Trả lãi tiền vay huy động vốn bà Mai			111	3.001.000	
....
31/12	PKT 40	31/12	Kết chuyển Chi phí hoạt động tài chính			911		125.857.172
			Cộng SPS trong kỳ				125.857.172	125.857.172
			Số dư cuối kỳ					

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.6 Thực trạng tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh

Đặc điểm kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty bao gồm :

- + Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ .
- + Kết quả hoạt động tài chính

Trong năm 2011 không phát sinh hoạt động khác.

Tài khoản sử dụng

TK 911 : Xác định kết quả kinh doanh

Các tài khoản có liên quan

- + TK 821 : Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp
- + TK 421 : Lợi nhuận chưa phân phối

Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ nhật kí chung
- Sổ cái TK 911, 821, 421....

Ví dụ 10 : Nghiệp vụ xác định kết quả kinh doanh năm 2011

Kế toán định khoản

- + Kết chuyển doanh thu thuần :

Nợ TK 511 5.358.097.081

Có TK 911 5.358.097.081

- + Kết chuyển giá vốn hàng bán

Nợ TK 911 4.456.995.755

Có TK 632 4.456.995.755

- + Kết chuyển chi phí quản lí doanh nghiệp

Nợ TK 911 413.754.520

Có TK 642 413.754.520

- Xác định kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ :

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ} &= \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí quản lí doanh nghiệp} \\ &= 5.358.097.081 - 4.456.995.755 - 413.754.520 = 487.346.806 \end{aligned}$$

- + Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính

Nợ TK 515 9.172.860

Có TK 911 9.172.860

+ Kết chuyển chi phí tài chính

Nợ TK 911	125.857.172
Có TK 635	125.857.172

- Xác định kết quả hoạt động tài chính :

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận hoạt động tài chính} &= \text{Doanh thu tài chính} - \text{Chi phí tài chính.} \\ &= 9.172.860 - 125.857.172 = (116.684.312) \end{aligned}$$

- Xác định kết quả hoạt động kinh doanh :

$$\begin{aligned} \text{Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh} &= \text{Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ} + \text{Kết quả hoạt động tài chính} \\ &= 487.346.806 - 116.684.312 = 370.662.494 \end{aligned}$$

+ Xác định chi phí thuế TNDN phải nộp :

Nợ TK 821	92.665.624
Có TK 3334	92.665.624

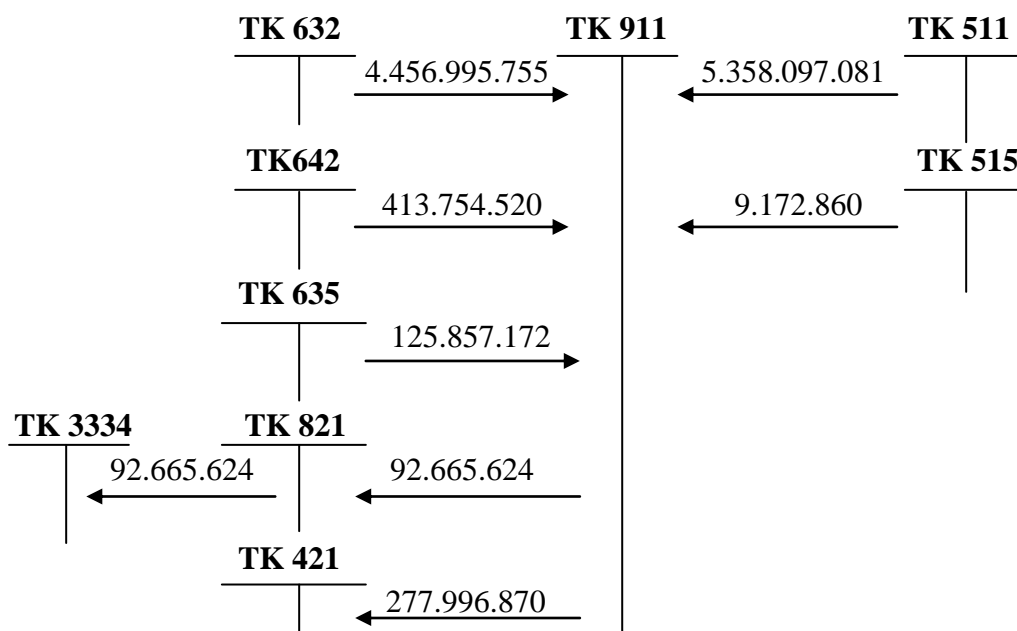
+ Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp :

Nợ TK 911	92.665.624
Có TK 821	92.665.624

+ Kết chuyển lợi nhuận sau thuế :

Nợ TK 911	277.996.870
Có TK 421	277.996.870

Sơ đồ Quy trình xác định kết quả kinh doanh



Chứng từ sử dụng

- Các Phiếu kế toán

CÔNG TY TNHH AN PHÚ

Số 43/282 Đà Nẵng- Ngô Quyền - Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số PKT: 04

Đơn vị tính : đồng

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	- Kết chuyển doanh thu thuần	511	911	5.358.097.081			
	Cộng			5.358.097.081			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

CÔNG TY TNHH AN PHÚ

Số 43/282 Đà Nẵng- Ngô Quyền - Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số PKT: 05

Đơn vị tính : đồng

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	- Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	4.456.995.755			
	Cộng			4.456.995.755			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

CÔNG TY TNHH AN PHÚ

Số 43/282 Đà Nẵng- Ngô Quyền - Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số PKT: 06

Đơn vị tính : đồng

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	- Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	413.754.520			
	Cộng			413.754.520			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

CÔNG TY TNHH AN PHÚ
Số 43/282 Đà Nẵng- Ngô Quyền - Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số PKT: 07

Đơn vị tính : đồng

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	9.172.860			
	Cộng			9.172.860			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

CÔNG TY TNHH AN PHÚ
Số 43/282 Đà Nẵng- Ngô Quyền - Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số PKT: 08

Đơn vị tính : đồng

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	- Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	125.857.172			
	Cộng			125.857.172			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

CÔNG TY TNHH AN PHÚ
Số 43/282 Đà Nẵng- Ngô Quyền - Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số PKT: 09

Đơn vị tính : đồng

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	- Xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	821	3334	92.665.624			
	Cộng			92.665.624			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

CÔNG TY TNHH AN PHÚ
Số 43/282 Đà Nẵng- Ngô Quyền - Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số PKT: 10

Đơn vị tính : đồng

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	911	821	92.665.624			
	Cộng			92.665.624			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

CÔNG TY TNHH AN PHÚ
Số 43/282 Đà Nẵng- Ngô Quyền - Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số PKT: 11

Đơn vị tính : đồng

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	- Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	277.996.870			
	Cộng			277.996.870			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Ghi sổ nghiệp vụ trên

- Biểu số 13 : Trích sổ nhật kí chung
- Biểu số 14 : Trích sổ cái TK 911
- Biểu số 15 : Trích sổ cái TK 821
- Biểu số 16 : Trích sổ cái TK 421
- Biểu số 17 : Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2011

BIỂU SỐ 13 : TRÍCH SỔ NHẬT KÍ CHUNG

CÔNG TY TNHH AN PHÚ

Số :43/282 Đà Nẵng– Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03 a -DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT đồng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
..
31/12	PKT04	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	✓		511	911	5.358.097.081	5.358.097.081
31/12	PKT05	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	✓		911	632	4.456.995.755	4.456.995.755
31/12	PKT06	31/12	Kết chuyển chi phí quản lí doanh nghiệp	✓		911	642	413.754.520	413.754.520
31/12	PKT07	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	✓		515	911	9.172.860	9.172.860
31/12	PKT08	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	✓		911	635	125.857.172	125.857.172
31/12	PKT09	31/12	Xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	✓		821	3334	92.665.624	92.665.624
31/12	PKT10	31/12	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	✓		911	821	92.665.624	92.665.624
31/12	PKT11	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	✓		911	421	277.996.870	277.996.870
....
			Cộng chuyển sang trang sau						
			Cộng lũy kế						

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

BIỂU SỐ 14 : TRÍCH SỔ CÁI TK 911

CÔNG TY TNHH AN PHÚ

Số :43/282 Đà Nẵng– Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

(dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2011

Tên tài khoản : Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu : 911

Đơn vị tính : đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TKĐU'	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			SPS trong kỳ					
31/12	PKT04	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần			511		5.358.097.081
31/12	PKT05	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán			632	4.456.995.755	
31/12	PKT06	31/12	Kết chuyển chi phí quản lí doanh nghiệp			642	413.754.520	
31/12	PKT07	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			515		9.172.860
31/12	PKT08	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính			635	125.857.172	
31/12	PKT10	31/12	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			821	92.665.624	
31/12	PKT11	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế			421	277.996.870	
			Cộng SPS trong kỳ				5.367.269.941	5.367.269.941
			Số dư cuối kỳ					

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

BIỂU SỐ 15 : TRÍCH SỔ CÁI TK 821

CÔNG TY TNHH AN PHÚ
Số :43/282 Đà Nẵng– Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Năm 2011 Tên tài khoản : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp Số hiệu : 821
Đơn vị tính : đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ (01/01)					
			Số phát sinh trong kỳ					
31/12	PKT09	31/12	Xác định chi phí thuế TNDN phải nộp			3334	92.665.624	
31/12	PKT10	31/12	k/c chi phí thuế TNDN			911		92.665.624
			Cộng SPS trong kỳ				92.665.624	92.665.624
			Số dư cuối kỳ					

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

BIỂU SỐ 16 : TRÍCH SỔ CÁI TK 421

CÔNG TY TNHH AN PHÚ
Số :43/282 Đà Nẵng– Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Năm 2011 Tên tài khoản : Lợi nhuận chưa phân phối Số hiệu : 421
Đơn vị tính : đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật kí chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ (01/01)					<u>221.810.070</u>
			Số phát sinh trong kỳ					
31/12	PKT11	31/12	Kết chuyển LNST			911		277.996.870
			Cộng SPS trong kỳ					277.996.870
			Số dư cuối kỳ					<u>499.806.940</u>

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

BIỂU SỐ 17 : BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2011

CÔNG TY TNHH AN PHÚ

Số 43/282 Đà Nẵng- Ngô Quyền - Hải Phòng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	5.358.097.081	4.514.618.828
2. Các khoản giảm trừ doanh thu.	2	VI.26	----	----
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	5.358.097.081	4.514.618.828
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	4.456.995.755	3.689.528.484
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		901.101.326	825.090.344
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	9.172.860	8.481.215
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	125.857.172	138.894.545
8. Chi phí bán hàng	24		----	----
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		413.754.520	391.835.543
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		370.662.494	302.841.471
11. Thu nhập khác	31		----	5.797.189
12. Chi phí khác	32		----	12.891.900
13. Lợi nhuận khác	40		----	(7.094.711)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		370.662.494	295.746.760
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	92.665.624	73.936.690
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		277.996.870	221.810.070
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Lập, ngày...tháng....năm....

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG 3 : MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH AN PHÚ

3.1 Nguyên tắc và yêu cầu hoàn thiện

Sự thành bại của doanh nghiệp phụ thuộc rất lớn vào công tác kế toán. Thông qua việc kiểm tra, tính toán, ghi chép, phân loại, tổng hợp nghiệp vụ phát sinh bằng hệ thống phương pháp khoa học của kế toán: chứng từ, đối ứng tài khoản, tính giá, tổng hợp cân đối có thể biết được đầy đủ, chính xác, kịp thời toàn diện về tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp. Do vậy việc hoàn thiện công tác kế toán là hết sức cần thiết, nó sẽ giúp nhà quản trị điều chỉnh hoạt động kinh doanh, xác định mục tiêu, chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai.

Hoàn thiện là cần thiết và tất yếu, nhưng để đảm bảo tính khoa học thì các biện pháp hoàn thiện phải khả thi, phù hợp với chế độ kế toán hiện hành. Do đó, hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty cần phải đảm bảo một số yêu cầu sau:

Thứ nhất, hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng các cơ chế tài chính, chế độ kế toán. Kế toán không chỉ là công cụ quản lý của doanh nghiệp, nó còn là công cụ quản lý tài chính quan trọng của Nhà nước. Tuy nhiên việc Nhà nước ban hành các cơ chế tài chính, văn bản pháp lý chỉ mang tính chất tổng hợp và hướng dẫn cho các doanh nghiệp. Việc tổ chức kế toán tại doanh nghiệp cần phải vận dụng sáng tạo, linh hoạt, tránh dập khuôn máy móc.

Thứ hai, hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí, giảm nhẹ công tác kế toán nhưng vẫn đảm bảo tính khoa học, hiệu quả .

Thứ ba, hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Chính vì vậy, việc vận dụng chế độ kế toán sao cho phù hợp với trình độ của doanh nghiệp, ngành nghề sản xuất kinh doanh, điều kiện vật chất... của doanh nghiệp là cần thiết.

3.2 Đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán nói chung tại công ty TNHH An Phú.

3.2.1. Ưu điểm

- Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý : Công ty có bộ máy quản lý phù hợp với quá trình sản xuất, kinh doanh, có trình độ, tâm huyết với nghề.

- Về hạch toán kế toán : Nhìn chung công ty thực hiện đầy đủ và chính xác chế độ kế toán cũng như chuẩn mực ban hành, cụ thể:

+ *Chứng từ kế toán*: Sử dụng hệ thống chứng từ kế toán đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành. Các nghiệp vụ kế toán được ghi chép đầy đủ, chính xác, tạo điều kiện cho kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo có cơ sở thực tế, pháp lý, lưu trữ khoa học và được giám sát chặt chẽ.

+ *Về sổ sách kế toán*: Các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng, sạch sẽ và được in ra lưu trữ quy định chung của Nhà nước.

+ *Về hình thức ghi sổ* : theo hình thức Nhật kí chung là phù hợp, đáp ứng yêu cầu của nhà quản lí.

+ *Về hệ thống tài khoản sử dụng*: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất ban hành theo quyết định số 15/2006/ QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung.

3.2.2. Nhược Điểm

- Về bộ máy kế toán của công ty : Bộ máy kế toán còn sơ sài, chưa có các kế toán bộ phận, một kế toán tổng hợp đảm nhận nhiều phần hành kế toán khác nhau, công việc khá nhiều, phải hoàn thành đúng tiến độ nên dễ dẫn đến sai sót.

- Về hình thức kế toán : Do khối lượng sổ sách, hạch toán kế toán nhiều lại làm kế toán Excel thủ công, tuy có sử dụng máy vi tính nhưng công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán nên dễ xảy ra sai sót và tốn nhiều thời gian, việc sử dụng máy vi tính chưa phát huy được hiệu quả.

3.2.3. Một số biện pháp có thể áp dụng để hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nói chung tại công ty.

1, Về bộ máy kế toán công ty:

- Cơ sở và tác dụng của giải pháp :

Công tác kế toán có vai trò rất quan trọng. Nếu công ty có bộ máy kế toán hoạt động tốt thì thông qua việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, nhà quản lí sẽ đưa ra được các quyết định kinh doanh sáng suốt, mang lại nguồn lợi lớn cho doanh nghiệp. Ngược lại, nếu bộ máy kế toán hoạt động không hiệu quả thì thông tin cung cấp bị chậm trễ, không chính xác làm các quyết định của nhà quản lí bị sai lệch, không hiệu quả, ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp.

Để có bộ máy kế toán hoạt động tốt thì công ty phải có các kế toán bộ phận, mỗi người chịu trách nhiệm một phần hành khác nhau. Như vậy công việc được chuyên môn hóa, mỗi người phải tự chịu trách nhiệm với phần hành kế toán của mình, thông tin được cung cấp kịp thời. Tránh tình trạng một kế toán tổng hợp phải làm quá nhiều công việc dẫn đến việc cung cấp thông tin bị trễ, dễ xảy ra sai sót.

- Nội dung thực hiện giải pháp :

Công ty cần tuyển thêm nhân viên kế toán để mỗi người đảm nhiệm 1 phần hành kế toán riêng biệt.

Thường xuyên cho kế toán đi học các lớp bồi dưỡng, tập huấn kế toán để nâng cao năng lực, trình độ, cập nhật thông tin kế toán mới giúp hoàn thành công việc tốt hơn.

2, Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán để quá trình hạch toán được nhanh, đầy đủ và chính xác hơn.

- Cơ sở đưa ra giải pháp :

Hoà nhập với sự phát triển của công nghệ khoa học kỹ thuật và xu hướng tiên bộ trên toàn thế giới, việc áp dụng công nghệ thông tin trong hạch toán kế toán là rất cần thiết. Công ty TNHH An Phú đã ứng dụng tin học vào việc hạch toán kế toán nhưng chỉ là những tính toán đơn thuần, công ty nên áp dụng kế toán máy.

- Tác dụng của giải pháp :

Phần mềm kế toán có nhiều ưu việt:

- Thu thập, xử lý thông tin kế toán một cách nhanh chóng.
- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động kiểm soát các thông tin tài chính.
- Chọn lọc thông tin cung cấp cho người sử dụng tùy theo mục đích sử dụng.
- Việc xử lý, trình bày, cung cấp các chỉ tiêu kế toán liên tục, có căn cứ, đáp ứng yêu cầu sử dụng của nhiều đối tượng khác nhau.
- Giúp giảm bớt nhân lực so với kế toán thủ công mà vẫn đảm bảo công việc.

Chính vì những ưu điểm của việc áp dụng phần mềm kế toán, theo em công ty nên lựa chọn một chương trình phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của mình. Bên cạnh đó, cần tổ chức các lớp đào tạo, hướng dẫn cho đội ngũ kế toán sử dụng thành thạo phần mềm kế toán mà công ty áp dụng.

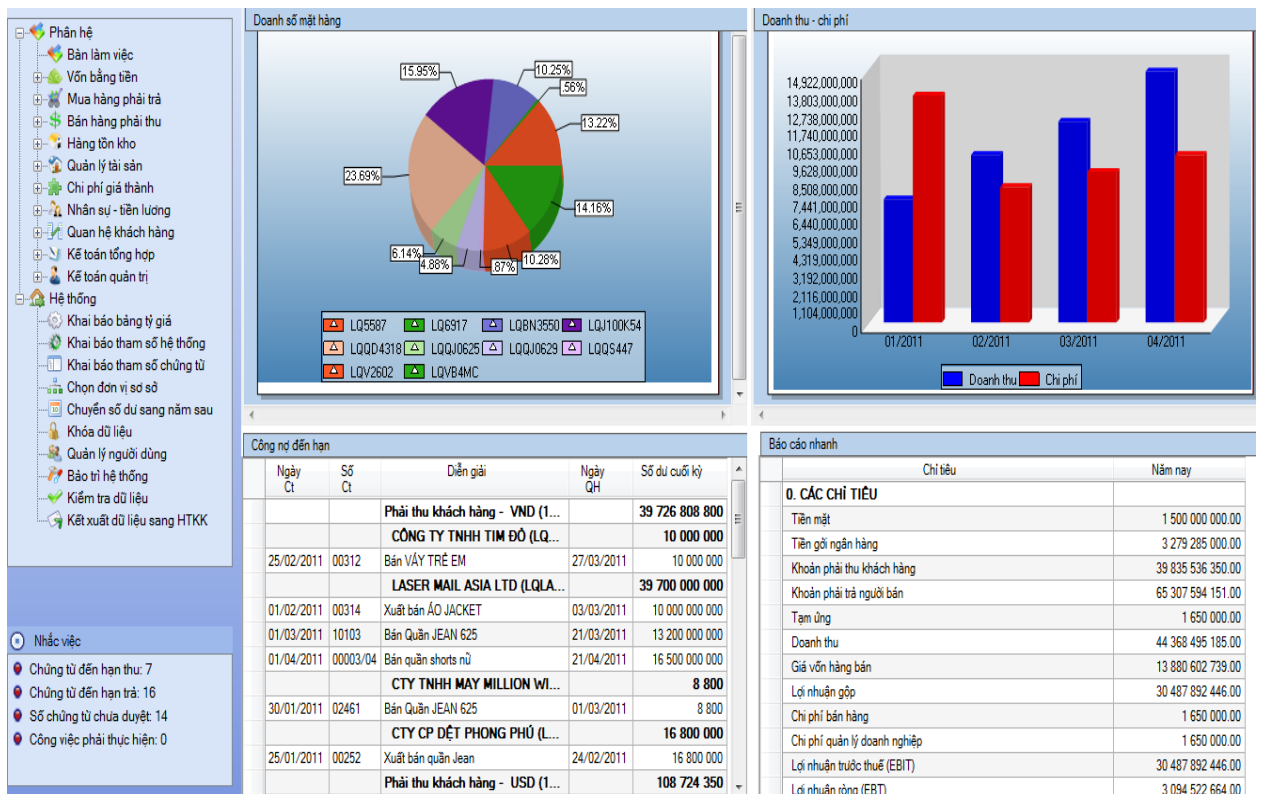
- Nội dung thực hiện giải pháp :

Một số giao diện phần mềm kế toán máy mà công ty nên áp dụng như :

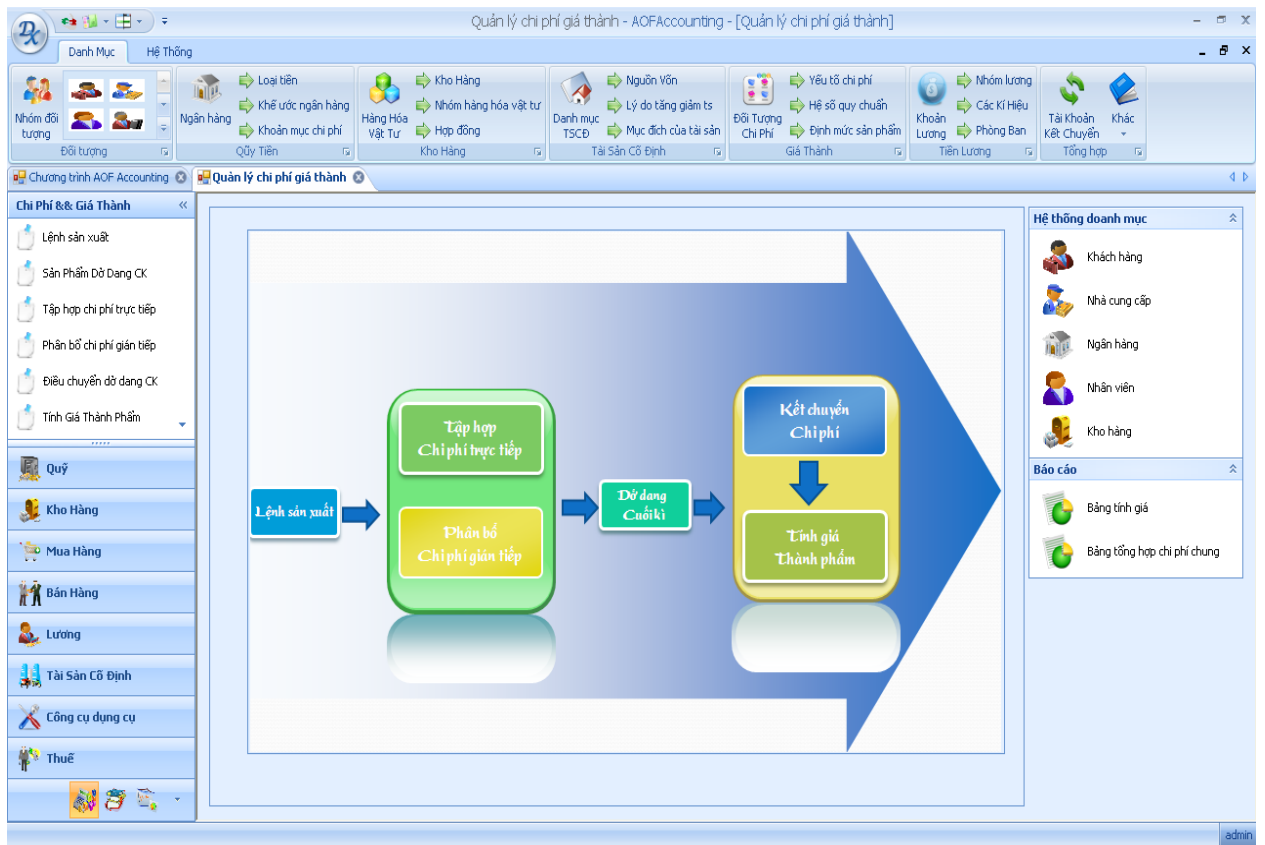
- Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2010



- Phần mềm kế toán LinkQ Accounting



- Phần mềm kế toán AOF Accounting



3.3 Đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

3.3.1. Ưu điểm

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp, là cơ sở quan trọng để xác định kết quả kinh doanh

- Về kế toán chi phí : Chi phí là vấn đề mà nhà quản lí luôn đặc biệt quan tâm, cân nhắc và tìm mọi cách để quản lí chặt chẽ, tránh lãng phí. Công tác kế toán chi phí tại công ty đã đảm bảo được tính chính xác, kịp thời khi phát sinh.

- Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh : Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban giám đốc trong việc cung cấp thông tin để từ đó ra kế hoạch, đường lối, chiến lược kinh doanh.

3.3.2. Nhược Điểm

- Về chính sách bán hàng :

Trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, chiến lược kinh doanh đóng vai trò hết sức quan trọng, nó tạo ra sức hấp dẫn lôi cuốn và thu hút khách hàng.

+ Công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn, tổng giá trị lớn nên đã làm giảm 1 lượng khách hàng và dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty.

+ Công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng nên không khuyến khích được việc khách hàng thanh toán sớm gây ra tình trạng ứ đọng vốn kinh doanh.

3.3.3 Một số biện pháp có thể áp dụng để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

1, Chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa :

- Cơ sở đưa ra giải pháp:

Trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, chiến lược kinh doanh đóng vai trò hết sức quan trọng. Nó tạo nên sức hấp dẫn lôi cuốn và thu hút khách hàng. Công ty TNHH An Phú không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại cho khách hàng khi mua hàng hóa với số lượng lớn, tổng giá trị cao. Việc không áp dụng chính sách ưu đãi này đã làm giảm một lượng khách hàng lớn, dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ của công ty.

- Tác dụng của giải pháp:

Công ty nên xây dựng chính sách chiết khấu thương mại phù hợp với tình hình tiêu thụ nhằm thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.

- Nội dung thực hiện giải pháp:

Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau:

+ Đối với khách hàng thường xuyên mua hàng với số lượng lớn (500 đôi trở lên) và tổng giá trị mua hàng trên 100.000.000 đ, công ty có thể áp dụng tỷ lệ chiết khấu 1% trên doanh thu bán hàng).

+ Đối với khách hàng lần đầu có mối quan hệ mua bán với công ty : mua hàng với số lượng lớn (500 đôi trở lên) và tổng giá trị mua hàng lớn, công ty có thể áp dụng chiết khấu từ 1,1% đến 1,5% trên doanh thu bán hàng nhằm khuyến khích khách hàng tạo mối quan hệ thường xuyên với doanh nghiệp.

- Quy trình hạch toán :

+ Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “ Hóa đơn GTGT” hoặc “ Hóa đơn bán hàng “ lần cuối cùng . Trường hợp

khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc ghi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại trong các trường hợp này được hạch toán vào tài khoản 521.

+ Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào tài khoản 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

• Phương pháp hạch toán :

+ Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kì :

Nợ TK 521

Nợ TK 3331

Có TK 111,112,131...

+ Cuối kì, kết chuyển số chiết khấu thương mại đã chấp thuận cho người mua phát sinh trong kì sang tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ :

Nợ TK 511

Có TK 521

Ví dụ :

Ngày 16/12/2011 bán giày cho cửa hàng Phượng Ngân chưa thanh toán với số tiền là 118.978.000 đ chưa bao gồm thuế GTGT 10%. Và phượng ngân được hưởng chiết khấu thương mại 1%.

Kế toán định khoản :

Nợ TK 521 1.189.780

Nợ TK 3331 118.978

Có TK 131 1.308.758

Cuối tháng kết chuyển sang TK 511

Nợ TK 511 1.189.780

Có TK 521 1.189.780

BIỂU SỐ 18 : TRÍCH SỔ CÁI TK 521

CÔNG TY TNHH AN PHÚ

Mẫu số S03b-DN

Số :43/282 Đà Nẵng– Ngô Quyền- Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên tài khoản : Chiết khấu thương mại

Số hiệu : 521

Đơn vị tính : đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kì (01/01)					
			Số phát sinh trong kì					
16/12		16/12	CKTM cho cửa hàng phượng ngân			131	1.189.780	
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển CKTM			511		1.189.780
			Cộng SPS trong kì				1.189.780	1.189.780
			Số dư cuối kì					

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

2, Chính sách khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh

- Cơ sở đưa ra giải pháp :

Đối với một doanh nghiệp sản xuất thì việc quay vòng vốn nhanh là rất cần thiết. Để sản xuất sản phẩm công ty cần phải có đủ khả năng tài chính để mua nguyên vật liệu đầu vào, phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh kịp thời, đáp ứng yêu cầu khách hàng. Nếu lượng khách hàng thanh toán chậm quá nhiều sẽ xảy ra tình trạng ứ đọng vốn, công ty không có vốn để quay vòng sản xuất, không đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng. Gây ảnh hưởng đến uy tín công ty.

- Tác dụng của giải pháp :

Công ty nên xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán phù hợp nhằm khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh để tránh xảy ra tình trạng ứ đọng vốn.

- Nội dung thực hiện giải pháp :

Đối với khách mua hàng chậm trả công ty nên gia hạn 1 khoảng thời gian để thanh toán (nửa tháng, 1 tháng) tùy theo giá trị hàng bán ra và là khách hàng thường xuyên hay không, và công ty nên áp dụng chiết khấu thanh toán 2% tính trên tổng giá thanh toán của số tiền chậm trả nếu khách hàng thanh toán sớm trước thời hạn quy định.

- Phương pháp hạch toán :

+ Phản ánh số chiết khấu thanh toán thực tế phát sinh trong kì :

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính

Có TK 131,111,112...

+ Cuối kì, kết chuyển số chiết khấu thanh toán đã chấp thuận cho người mua phát sinh trong kì sang tài khoản 911 :

Nợ TK 911

Có TK 635

Ví dụ:

Ngày 5/12/2011 bán giày cho công ty Roma theo phương thức trực tiếp với số tiền 55.089.000đ đã bao gồm thuế GTGT 10%. Công ty Roma thanh toán ngay 50% bằng chuyển khoản còn lại chậm trả vào tháng sau. Do công ty Roma thanh toán bằng chuyển khoản trước thời hạn số tiền còn lại nên doanh nghiệp đã chiết khấu cho Roma 2%.

Kế toán định khoản:

+ Nợ TK 112	26.993.610
Nợ TK 635	550.890
Có TK 131	27.544.500
+ Nợ TK 911	550.890
Có TK 635	550.890

BIỂU SỐ 19 : TRÍCH SỔ CÁI TK 635

CÔNG TY TNHH AN PHÚ

Số :43/282 Đà Nẵng– Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

(dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2011

Tên tài khoản : Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu : 635

Đơn vị tính : đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			SPS trong kỳ					
05/12		05/12	CKTT cho c.ty Roma			131	550.890	
31/12	PKT	31/12	K/C Chi phí HĐTC			911		550.890
			Cộng SPS trong kỳ				550.890	550.890
			Số dư cuối kỳ					

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾT LUẬN

Chúng ta đang bước vào một giai đoạn phát triển với tốc độ nhanh mạnh của nền kinh tế mở. Mỗi một doanh nghiệp cần phải xác định rõ mục tiêu con đường phát triển của mình. Công ty TNHH An Phú cũng không nằm ngoài quỹ đạo đó. Đặc biệt hoạt động tiêu thụ, phát triển thị trường đóng vai trò quan trọng quyết định sống còn đối với những doanh nghiệp đang chuyển mình. Những yêu cầu trên đã đặt ra cho doanh nghiệp phải đổi mới công cụ quản lý kinh tế, trong đó có kế toán. Vì vậy công tác kế toán cần hoàn thiện, đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Khoá luận: **“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH An Phú”** của em đã đề cập đến những vấn đề sau:

Về lý luận: Khoá luận đã nêu được một số vấn đề cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Về thực tiễn: Khoá luận đã phản ánh một cách đầy đủ thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty, đồng thời sử dụng số liệu năm 2011 để chứng minh cho những lập luận đã nêu.

Về kiến nghị: Em đã đối chiếu phân lý luận với thực tế đã nghiên cứu, từ đó đề xuất và nêu ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

Em xin chân thành cảm ơn thạc sĩ Lê Thị Nam Phương đã tận tình chỉ bảo hướng dẫn em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này !

Em cũng xin chân thành cảm ơn Ban giám đốc, các phòng ban và đặc biệt là các chị trong phòng tài chính kế toán đã tạo điều kiện, giúp đỡ em rất nhiều trong giai đoạn thực tập tại công ty và hoàn thành đợt thực tập của mình cũng như hoàn thành khóa luận tốt nghiệp của mình !

Tuy nhiên, do thời gian có hạn và trình độ hiểu biết còn nhiều hạn chế nên khóa luận không thể tránh khỏi còn nhiều sai sót, em rất mong nhận được sự chỉ bảo, góp ý kiến của các thầy cô giáo, cán bộ kế toán của công ty cũng như các bạn sinh viên trong khoa để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyển 1 – Hệ thống tài khoản kế toán (Bộ tài chính – Chế độ kế toán doanh nghiệp của Nhà xuất bản thống kê)
 2. Quyển 2 – Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán (Bộ tài chính – Chế độ kế toán doanh nghiệp của Nhà xuất bản thống kê)
 3. Các bài khóa luận của anh chị khóa trước
- Các số liệu, sổ sách kế toán của công ty TNHH An Phú năm 2011.